

MÙA VU LAN

NGHĨ VỀ MỘT GIỌNG CA CŨ,
VÀ MỘT HÀNH TRÌNH MỚI
CỦA SỰ HÒA HỢP

NGÂN HÀ

Tại sao Khánh Ly đã hai lần về Việt Nam trình diễn, mà vẫn không hát ở Sài Gòn? Do cô không muốn hát ở Sài Gòn, nơi mảnh đất đã nuôi dưỡng tài năng đưa cô lên đến đỉnh cao của danh vọng? Hay chính Sài Gòn không bao dung với cô?

Hai lần về Việt Nam, người hâm mộ nhạc Trịnh đều chờ cô hát ở Sài Gòn, nhưng đều mừng hụt. *Xem tiếp trang 2*

tr.28

VẬT QUÝ

ĐÌNH NGUYỄN

Ông bắt đầu ngắm soi thật kỹ vật đó. Ông ngắm nó từ xa rồi mới đưa lại gần, rồi lại đưa ra xa...

tr.12

CHUNG CẤT

HOÀNG LONG

Rồi bên này cũng là bên kia. Anh không cần phải qua sông hay day dứt gì nữa...



Hình: GIANG DUY ĐÔNG

AWAKEN

BUDDHISM, NATURE, AND LIFE

A Vision of Poems for West and East
A COLLECTION OF POEMS

BY PHE XUAN BACH

tr.33

SÀI GÒN...

NGUYỄN TẤN CỬ

tr.26

tr.20

HERCULES

VÀ CÚ ĐẨY NGÃ THẦN TƯỢNG

TUẤN KHANH

Rất nhiều người trong chúng ta cần phải tự là Hercules của đời mình, tự đứng dậy rũ bỏ, tự xô ngã, để có thể nở nụ cười và lấy lại hơi thở bình thường như mọi con người đúng nghĩa trên hành tinh này...

TRONG SỐ NÀY

MÙA VU LAN NGÂN HÀ, tr.1 ●
VẬT QUÝ ĐÌNH NGUYỄN, tr.1 ●
CHUNG CẤT HOÀNG LONG, tr.1
● HERCULES VÀ CÚ ĐẨY NGÃ
THẦN TƯỢNG TUẤN KHANH,
tr.1 ● NHỮNG ĐIỀU GHI ĐƯỢC
TỪ MÙA THU THÍCH PHƯỚC
AN, tr.3 ● TUỔI TRẺ ĐEM ĐẠO
VÀO ĐỜI TRẦN KIỂM ĐOÀN, tr.8
● ĐỘC HÀNH VINH HẢO, tr.14
● SÀI GÒN RUN RẮY TRONG
TIẾNG MÂY CỦA TUẤN KHANH,
tr.16 ● VẪN NHỚ VỀ CÂY XANH
THÀNH PHỐ NGUYỄN THỊ HẬU,
tr. 19 ● SÀI GÒN... NGUYỄN TẤN
CÚ, tr. 20 ● THEO MÂY ĐI CÙNG
MÂY VỀ MẶC PHƯƠNG TÙ, tr.21
● HÓN PHÁCH SÀI GÒN GIỜ
NƠI NÀO? VÔ NGÂN SÔNG, tr.
22 ● AWAKEN DUDDHISM, NA-
TURE, AND LIFE by PHE XUAN
BACH NGUYỄN VĂN THÁI, tr.33
● GIỚI THIỆU "CHÀY TRẦN
HU KHÔNG" THƠ HAIKU CỦA
HOÀNG LONG Giáo sư LƯU ĐỨC
TRUNG, tr.35 ● ĐOÀN KHÚC
THÍCH PHƯỚC NGUYỄN, tr. 36



HOA ĐÀM GROUP

Chịu trách nhiệm: NGUYỄN VIỆT
9741 Bolsa Ave. Suite: 216.
Westminster, CA 92683. 714.765.9844
Mọi kiến xây dựng, đóng góp bài vở,
tranh, ảnh, xin gởi về địa chỉ:
hoadamnews@gmail.com

MÙA VU LAN, NGHĨ VỀ MỘT GIỌNG CA CŨ, VÀ MỘT HÀNH TRÌNH MỚI CỦA SỰ HÒA HỢP

Có người nói: “Cổ có hứa hẹn hát ở Sài Gòn hồi nào đâu mà mừng hụt?”-
Đâu cần Khánh Ly hứa hẹn, tên của cô đã gắn với Sài Gòn từ bao lâu. Có lần
chị gái ở miền Bắc kể những năm ‘80, cô sinh viên Đại học văn khoa Hà Nội
lần đầu tiên được đặt chân đến Sài Gòn, ghé nhà bạn nghe Khánh Ly ca, cô
mê mẩn hết tâm can. Câu chuyện đó khiến tôi, thế hệ hậu chiến ở miền Bắc
vào miền Nam sinh sống, lập nghiệp, nghĩ rằng, Sài Gòn đã thật đẹp khi có
Khánh Ly.

Nhưng bây giờ, nói công khai thế này, sẽ có người cho rằng, hoài niệm một
Sài Gòn xưa, là tội lỗi, khi mà chính đất nước vẫn cần tiền của Việt Kiều đã
từng vượt biên và con em họ cũng đã trở về đóng góp không nhỏ về tinh thần
lẫn vật chất. Sẽ có nhiều người cho rằng “không được quên kẻ thù” dù họ
cùng dân tộc Việt. Cũng như chính dân tộc Việt ở ngoài biên giới Việt, cũng
đã oán hận một nước Việt Nam đã độc lập (?) bởi những người Cộng sản
lãnh đạo cuộc chiến thống nhất ba miền. Mỗi thù hận kéo dài 40 năm với
bao lần kêu gọi sự hòa hợp nhưng không thành.

Tháng bảy, mùa Vu Lan, hầu hết các chùa đều cầu siêu cho các oan hồn đã
không siêu thoát được vì chết trận chiến tranh, và cả những oan hồn bị lạc
đạn chiến tranh, trong đó có ông bà, anh chị em của chúng ta... Tại sao có
thể bao dung với người chết, mà người sống lại vẫn mang lòng thù hận?

Nếu một ngày Khánh Ly hát ca khúc da vàng của Trịnh Công Sơn ở Sài Gòn,
những ca khúc mang dấu ấn của chiến tranh và chia cắt như những trang
sử đau thương vô tận của dân tộc Việt, thì ngày đó, mới dám đặt niềm tin
vào câu chuyện hòa hợp, xóa nhòa ranh giới ở các anh em ba miền Bắc-
Trung- Nam không còn “bằng mặt mà không bằng lòng”. Có thể chú quan
khi áp sự kiện của một cô ca sĩ vào câu chuyện tìm thấy tấm lòng rộng mở,
bao dung của người Việt với nhau chăng? Nhưng cầu mong nhận được tấm
lòng rộng mở, bao dung của chính ca sĩ Khánh Ly và cả những người đã coi
nhau như kẻ thù.

Vài dòng nhắn gửi cho một thế hệ trẻ sẽ mang chân dung Việt của tương lai,
dù lịch sử có mang chúng ta đi đến đâu, việc quay lại với hiện tại và cùng
sống sao cho có một tương lai hòa bình miên viễn, là điều cần nhất, đẹp đẽ
vào cao cả nhất của mỗi người Việt bây giờ.

NGÂN HÀ

NHỮNG ĐIỀU GHI ĐƯỢC TỪ MÙA THU

THÍCH PHƯỚC AN

*Đêm qua nằm mơ thấy mẹ
Như thấy ngôi chùa của quê hương
(Huyền Không)*

Đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ như in, hồi nhỏ sống trong căn nhà tranh nơi một làng quê nghèo khổ ở miền Trung. Vào những buổi xế chiều cuối tháng 6 hoặc đầu tháng 7 âm lịch, mẹ tôi hay vắng nhà, bà đi ra đồng nhổ cỏ ruộng hoặc hái rau. Còn lại một mình

ở nhà, không biết làm gì, tôi thường leo lên nằm trên chiếc vóng treo ngay nơi cửa chính ra vào. Tôi nằm yên nhìn những đám mây đen đang tụ lại nơi những rặng núi xa ở phía Tây, những đám mây đó như báo hiệu những ngày đông giá rét lê thê đang sắp đến nơi làng quê nghèo khổ này. Thình thoảng tôi còn nghe những tiếng sấm từ chân trời xa vọng lại.

Tôi nhìn mây và nghe sấm mà tâm trí ngây



Hình: NGUYỄN HUU THÔNG

thơ cứ tưởng tượng rằng, chắc là sau những đám mây đen kia, sau những tiếng sấm chớp kia, có một nơi chốn tươi đẹp hơn ở đây ? Nơi đó, chắc không có những buổi chiều buồn bã ngồi chồm hổm dưới đất ăn cơm bên ngọn đèn dầu leo lét, nơi đó chắc cũng không có những đêm như dài vô tận, ngủ không được, vì sợ oan hồn của những người chết trôi, ngồi khóc than trên hòn đá của dòng sông trước nhà, mà tôi vẫn thường lắng nghe người lớn bàn tán với nhau mỗi khi chiều đến.

Bây giờ, sau những năm được sống nơi những thành phố mà tôi đã mơ ước đó, cũng vào những ngày cuối hạ, nhìn bầu trời nhiều mây, thì lòng tôi cứ chợt u hoài nhớ về vùng quê nghèo khổ mà tuổi thơ tôi đã cô chôi bỏ để ra đi.

Tôi vẫn thường được ông chú ruột của tôi, là một vị sư trụ trì tại một ngôi chùa trong làng kể lại rằng, khi mẹ tôi có mang tôi khoảng 4 tháng thì cha tôi qua đời. Nên khi mới 7 hoặc 8 tuổi gì đó, là ông bắt buộc tôi phải vào chùa ở với ông. Vì chú tôi biết mẹ tôi không thể nào nuôi nổi, nhất là chuyện học hành.

Cha và mẹ đều là người cùng làng, nhưng cha tôi sanh ở bên này sông, dân làng thường gọi là phía bên núi, còn mẹ tôi ở bên kia sông thì gọi là ở bên đồng. Bên kia sông là ruộng đồng, mương rạch, nhiều lúy tre nối tiếp nhau. Vì sanh bên đồng nên mẹ tôi bơi lội và chèo sông rất giỏi. Trừ tháng 9 và tháng 10, nước sông chảy xiết thì tất cả những tháng còn lại trong năm, mỗi lần đi về ngoại mẹ tôi thường chờ tôi đi bằng sông. Tôi thích đi sông nhất là những ngày cuối tháng chạp, vì những ngày đó mùa lụt vừa qua, nên nước sông vẫn

còn đầy. Ngồi trên sông tôi cứ say sưa nhìn màu xanh của lúa non cùng màu xanh của bầu trời mùa xuân như quện vào nhau, từng chùm bông lục bình nở tím cả hai bên bờ sông.

Nhà ngoại tôi nằm khuất sau nhiều lùm tre, nên cứ mỗi lần sông lướt qua được một lùm là tôi lại đếm thử còn mấy lùm tre nữa là đến nhà ngoại.

Những chuyến đi về quê ngoại bằng sông với mẹ tôi từ thuở còn thơ ấu, tôi không ngờ đã âm thầm tác động đến cách nhìn của tôi đối với cái đẹp, như cái đẹp về thi ca chẳng hạn.

Cái cảnh dòng sông trong bài thơ này của Huy Cận, sao giống dòng sông của quê ngoại tôi quá chừng!

*Này lúc bên đường bóng đứng trưa
Thuyền em qua thác sóng xô lùa
Sông êm, bãi cát con cò đứng
Khỏi vực, lòng em hết sợ chưa?*

Và tiếng gà gáy bên đê trong buổi chiều lặng lẽ này nữa chứ!

*Tới ngã ba sông nước bốn bề
Nửa chiều, gà lại gáy bên đê
Làng xa lặng lẽ sau tre trúc
Bên cù thuyền em sắp ghé về.*

Ở đây, trên đồi cao nơi tôi đang sống, vào những buổi trưa vắng vẻ hay những đêm khuya khoắt, thỉnh thoảng tôi còn nghe lại được tiếng gà gáy từ một xóm quê bên kia sông vọng lại. Những lúc như vậy tôi lại nhớ về “làng xa lặng lẽ sau tre trúc”. Ở đó có căn nhà của ngoại tôi tràn ngập trong nắng vàng, nhưng bây giờ nó chỉ còn lại trong kí ức mịt mù của tôi mà thôi. Bởi vậy nên “bên cù thuyền em sắp ghé về” với tôi chắc chắn sẽ không bao giờ xảy ra nữa rồi.

Khi chiến tranh vừa chấm dứt, tôi vội về thăm lại quê sau bao nhiêu năm không về thăm được, mẹ tôi dẫn tôi đi thăm mộ ông ngoại bà ngoại. Tôi ghé vào thăm căn nhà của ngoại năm xưa, đúng hơn là thăm nền nhà tro troi hoang tàn, vì mẹ tôi và các con của bà đều chết trong một trận, hai bên đang giao tranh với nhau, chỉ trừ người con trai cả lúc xảy ra giao tranh không có ở nhà, còn cậu tôi thì đi tập kết trước 1954 vẫn chưa trở về. Tôi lặng lẽ đứng nhìn khu vườn, cây đại mộc um tùm, nhìn con đê, mương nước trước sân, cây xoài, lúy tre sau nhà. Tôi tự nói trong ngậm ngùi với chính tôi rằng, vậy là dù bao nhiêu người trong căn nhà này đã vĩnh viễn ra đi, nhưng chúng vẫn âm thầm ở lại với bóng tôi hơn 20 năm rồi đó. Tôi bỗng xót xa cho mảnh đất đã từng nuôi dưỡng tuổi thơ của tôi, và cũng xót xa luôn cho những người nông dân chân lấm tay bùn, suốt đời chỉ có một ước mơ duy nhất là được sống yên trên mảnh đất này, và khi chết thì cũng được chôn ngay trên mảnh đất này. Vậy mà cái ước mơ quá giản dị đó lại không bao giờ thực hiện được. Tại sao?

Nhà văn Vó Hồng, có một câu truyện ngắn mà đọc rồi tôi cứ nhớ mãi. Có lẽ vì tác giả cũng sanh ra, lớn lên trên mảnh đất cũng nghèo khổ khô cằn như mảnh đất quê tôi, nên ông mới ghi lại được tất cả những đau khổ, hạnh phúc, đam mê cũng như bi kịch của những người đã dâng hết tình yêu nồng nàn cho mảnh đất:

“... Lên mười lăm tuổi thì cầm liềm đi gặt hái. Rồi thì cày ruộng, tát nước, gánh mạ, cuốc cò. Có bao giờ Lão được an nhàn đâu? Hết thời Tây đến thời Nhật rồi qua đến thời kháng chiến, Lão mơ ước có một đám đất của mình để gieo hạt giống của

mình, cắt lên bó lúa của mình. Sống gần hết đời người mà lúc nào cũng chỉ có trên tay một cái rựa, trên vai một cái cuốc, trên đầu một cái nón lá tả tơi ...” (Tình yêu đất).

Càng thất vọng về con người bao nhiêu thì những người nông dân lại càng bám lấy mảnh đất để hy vọng bấy nhiêu “... Đất không phản bội người, chỉ có người mới phản bội đất. Người dậm chân rủa sả rồi bỏ đi. Đất vẫn ở lại nhẩn nại trung thành. Khi người về, người cứ tưới mồ hôi xuống là đất lại nảy ra lá xanh, đơm hoa, kết quả...”

Khoảng 3 tháng sau ngày giải phóng, cậu tôi từ Bắc trở về. Mẹ tôi kể lại với tôi rằng, lúc đầu cậu dự tính về xây dựng lại nhà cửa rồi ra Bắc thu xếp để về Nam luôn. Nhưng sau khi ra Bắc trở lại thì cậu tôi bắt luôn tin tức, mặc cho sự mong đợi của mẹ tôi và con ông.

Khi nghe chuyện này, tôi hỏi mẹ tôi là khi về cậu có đến thăm nền nhà cũ của cậu không? Mẹ tôi trả lời rằng, không những đã đến thăm mà còn đứng lại đó suốt cả buổi chiều nữa, rồi lẳng lặng bước ra mà không nói được lời nào.

Sở dĩ tôi hỏi mẹ tôi một điều có vẻ vớ vẩn như vậy chỉ để xác nhận lại những ý nghĩ mà tôi đã tưởng tượng ở trong đầu tôi, chứ làm sao sau hơn 20 năm xa cách mà trở về lại không đến thăm nơi chôn nhau cắt rốn của mình? Cho dù đã biết trước là nơi đó nay chỉ còn là miếng đất hoang tàn tro trọi.

Khi nghe tin cậu tôi về,
tôi rất muốn về

quê để thăm cho được người cậu mà tôi chỉ hình dung được là rất giống mẹ tôi từ khuôn mặt cho đến dáng đi, vì lúc cậu tôi đi tập kết ra Bắc thì tôi chỉ mới có 5 tuổi. Nhưng rồi cuối cùng tôi vẫn không về được. Vì lúc đó, chỉ rời chùa một đêm thôi là đã không biết chuyện gì sẽ xảy ra cho chính bản thân cũng như cho chùa rồi, huống chi là đi từ tỉnh này qua tỉnh khác. Đó là chưa muốn nói mỗi khi đi ra đường hoặc ngồi trên xe đò, những người “chiên thẳng” đã nhìn như nhìn một quái vật từ hành tinh khác đến.

Vì không về thăm được cậu, nên tôi cứ tưởng tượng lúc cậu bước vào khu vườn ấy, đứng trên nền nhà ấy, cậu sẽ nghĩ gì khi 20 năm trước cũng chính nơi này cậu đã từng nâng niu từng chút hạnh phúc (dù là mong manh) với các con và gia đình? Những người thân nhất đời ông đó, nay cũng đã bỏ ông và mảnh đất này ra đi vĩnh viễn. Tôi lại cứ thắc mắc, lẽ nào những người suốt cả đời cứ “hoan hô” bên này và “đá đảo” bên kia ấy đến một lúc nào đó cũng phải dừng lại, vì thân sẽ tàn và sức phải kiệt chứ? Cứng vậy, liệu những khẩu hiệu như “anh hùng”, “vô địch”, “quang vinh muôn năm”, hay “bách chiến bách thắng”, được viết khắp ngang cùng ngõ hẻm có đủ sức chống đỡ nổi tâm hồn đang quằn quại trong đau khổ của cậu khi đối diện với cảnh xưa hoang tàn, với nấm mộ của các con và vợ? Và tôi vẫn

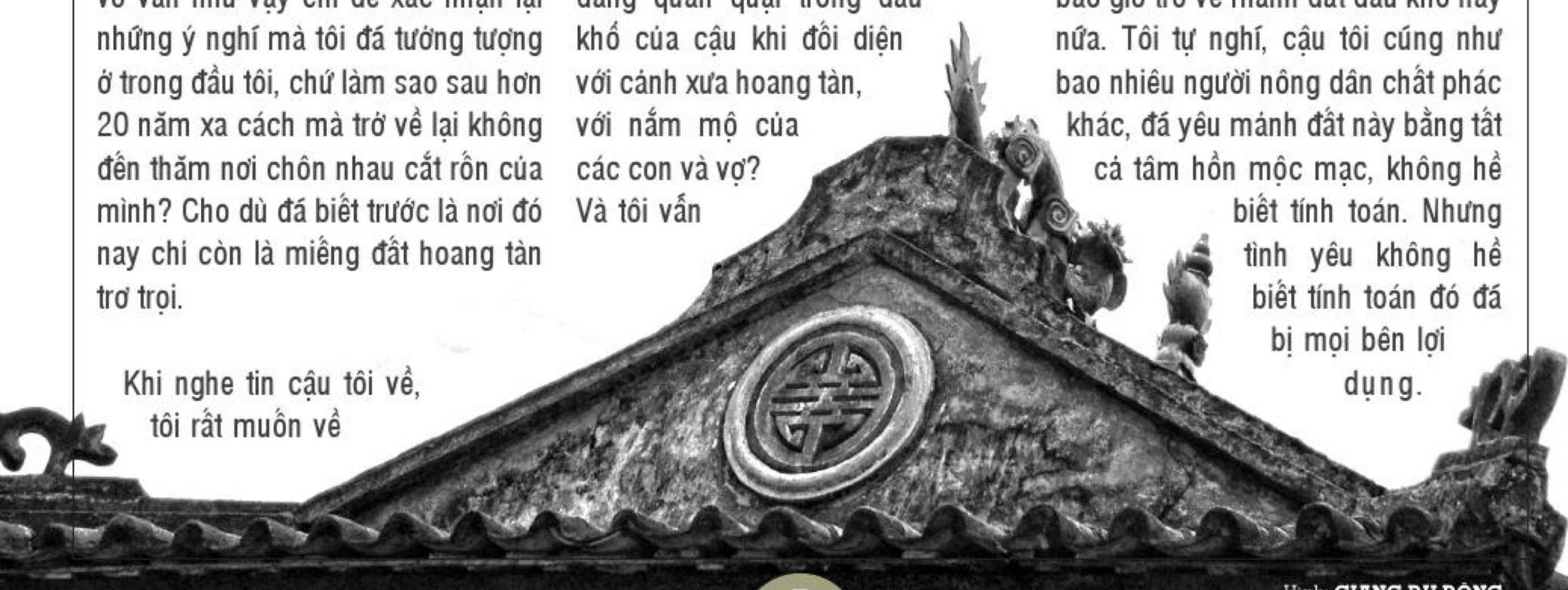
hy vọng rằng, đến một lúc nào đó, khi không còn chịu đựng được nỗi khổ đau này nữa, cậu tôi sẽ phải cúi xuống nhìn lại thân phận mình, thân phận bi thảm của kiếp người. Chỉ lúc đó cậu mới thực sự “giải phóng” cậu được, thay vì đòi “giải phóng” cho người khác.

Sau đó tôi về thăm quê, sư chú cho tôi biết là cậu đã vào chùa ở lại với ông hai đêm. Cậu đã nói hết sự thật về những năm tập kết ra Bắc cùng nỗi thất vọng khi trở về lại quê hương. Và cậu cũng nói cho sư chú tôi biết là cậu không về quê ở luôn như đã dự tính lúc ban đầu nữa.

Tôi rất vui khi nghe sư chú tôi kể lại như thế. Vậy là, ông cậu hiền lành, ít nói mà mỗi lần theo mẹ về ngoại ăn giỗ tôi vẫn thấy đạo mạo trong chiếc áo dài đen, đầu đội khăn đóng, cầm hương quỳ xuống khăn vái trước bàn thờ tổ tiên vẫn chưa hề mất trong ký ức tuổi thơ của tôi.

Vài năm sau, tôi được tin cậu mất ngoài Bắc, tôi nghe tin mà không ngạc nhiên mấy. Tôi nghĩ rằng, những năm mò và gia đình tan nát đã đeo đuổi và ám ảnh cậu tôi cho đến cuối cuộc đời.

Vậy là cậu tôi đã vĩnh viễn không bao giờ trở về mảnh đất đau khổ này nữa. Tôi tự nghĩ, cậu tôi cũng như bao nhiêu người nông dân chất phác khác, đã yêu mảnh đất này bằng tất cả tâm hồn mộc mạc, không hề biết tính toán. Nhưng tình yêu không hề biết tính toán đó đã bị mọi bên lợi dụng.





Bên nào cũng tự nhận mình mới là kẻ chiến đấu để bảo vệ mảnh đất cho họ. Cuối cùng, khi mọi sự đã vỡ lẽ, thì họ mới nhận ra rằng, bấy lâu họ đã ra đi theo tiếng gọi của hận thù thay vì tiếng gọi của tình thương như họ đã tưởng.

Đó chính là bi kịch không những chỉ riêng cho gia đình cậu tôi thôi, mà còn cho tất cả những người nông dân hiền lành trên mảnh đất đã quá khô cằn vì hận thù này.

Mỗi lần có dịp về thăm lại quê, tôi vẫn thường đứng lại bên này dòng sông, để nhìn qua bên kia sông, sau lũy tre kia là khu vườn của nhà ngoại, nhưng tôi biết là tôi sẽ không bao giờ trở về lại khu vườn ấy nữa. Mọi sự đã ra đi cùng với tuổi thơ tôi mất rồi:

Chiều chiều ra đứng bờ sông

Muốn về quê mẹ mà không có đò

(Ca dao)

Tôi còn một kỷ niệm khó phai mờ nữa cũng liên hệ đến dòng sông ấy. Đó là vào một chiều mùa đông giá rét, tôi đi học ở trường làng về, thấy cửa đóng im lìm cũng không thấy khói toả ra từ bếp như mọi chiều. Tôi đoán là nhà hết gạo, nên mẹ tôi về ngoại mượn gạo để nấu cơm, tôi liền chạy ra bờ sông đứng trông mẹ. Lúc ấy, trời chợt nổi gió mạnh, từng cơn mưa trút xuống xối xả, tôi vẫn đứng co ro trong mưa để đợi mẹ, nhưng chẳng thấy mẹ tôi đâu hết. Chỉ thấy trước mắt là dòng sông đang chìm trong cơn mưa mịt mù.

Khi lớn lên đi giữa cuộc đời khô cằn và nóng bức, thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ về mùa đông giá rét ấy cùng với người mẹ già suốt đời sống trong cô đơn hiu quạnh.

Nhiều khi tôi cứ nghĩ vớ vẩn rằng, giá sử tuổi thơ tôi cũng như tuổi thơ

của bao đứa trẻ khác, nghĩa là cũng có cha, có mẹ, có mái ấm gia đình, thì có lẽ tôi đã không có được những mùa đông buốt lạnh như vậy để mà ngồi nhớ.

Dường như, chỉ trong đau khổ và bất hạnh thì trái tim của con người mới dễ rung động hơn với đất rộng trời cao?

Ngôi chùa của sư chú tôi nằm dưới chân núi Bà, một trong những rặng núi dài nhất của Bình Định. Dọc theo núi Bà, có đến gần 10 ngôi chùa, hầu hết đều nằm lưng chừng núi, chỉ có chùa sư chú tôi là nằm ngay dưới chân núi. Sau chùa là rặng núi cao, chung quanh cũng đều có núi và những hòn đá bao bọc. Chính vì nằm nơi vị trí hiểm trở như vậy, nên khi Tây Sơn khởi nghĩa, Nguyễn Nhạc đã lấy nơi này làm kho chứa lương thực và cũng để trấn giữ mặt biển. Nguyễn Nhạc đặt tên là Tân Phú Càn Dương, cạnh phủ về phía Tây, có một hòn đá rất lớn, mà dân địa phương gọi là đá Đài.

Sở dĩ có tên gọi như vậy là vì theo truyền thuyết thì nghĩa quân Tây Sơn đã dùng hòn đá này để quan sát quân chúa Nguyễn. Cũng còn một truyền thuyết nữa nói rằng, sau khi Nguyễn Huệ chết, quân Tây Sơn bắt đầu suy yếu, một lần quân Nguyễn từ trong Nam ra tấn công chớp nhoáng cửa biển Cách Thử, cách Tân Phú Càn Dương chỉ có 5 cây số. Nguyễn Nhạc không còn cách nào hơn là sai sứ giả ra Thuận Hóa để cầu viện.

Vì quá nóng lòng, nên chiều nào Nguyễn Nhạc cũng trèo lên hòn đá Đài để trông ra Thuận Hóa.

Tôi rất mê truyền thuyết này nhất là khi biết đọc lịch sử và bắt đầu biết

suy tư đôi chút về “vận nước long đong”, nên cứ mỗi lần về thăm quê, tôi lại ra đứng trên nền gạch đỏ nát của Tân Phú Càn Dương, nhìn lên ngọn đá Đài, và tưởng tượng cái bóng cô đơn của Nguyễn Nhạc cách đây 200 năm vẫn còn ngả dài trong bóng chiều đang đổ xuống giữa núi rừng hiu quạnh.

Khi tôi vào chùa thì chùa chỉ còn lại có sư chú và tôi. Những người vào chùa trước tôi đều được sư chú gởi đi học ở các Phật học đường, một số trong tỉnh và một số vào Nam. Vì vậy chùa gần như vắng vẻ cả ngày, chỉ có buổi tối là hơi vui, vì có một số thanh niên trong làng vào tụng kinh và ngủ luôn tại chùa.

Tôi vì còn nhỏ, nên cũng chẳng làm gì vất vả, ngoài hai buổi đi học ở trường làng, chỉ có bốn phận duy nhất là buổi chiều rót dầu, lau bóng đèn, thắp hương, hồi chuông trống và công phu chiều. Còn nấu cơm thì sư chú tôi đã nhờ bốn đạo ngoài làng, khi nào rảnh rồi việc đồng áng thì có mẹ tôi vào nấu.

Mộ cha tôi nằm trên miếng đất cao trước chùa. Có những buổi chiều vắng vẻ, sư chú đi vắng, còn lại một mình tôi trong chùa, tôi thường ra đứng miếng đất cao gần mộ cha mà trông người vào chùa để ngủ cho đỡ buồn. Trong số những người vào chùa ban đêm đó, có một người đã lớn tuổi, mù cả hai mắt, trong làng ai cũng gọi là chú Năm, vì chú là thứ năm. Chú Năm nổi tiếng là người hung dữ, ai đụng đến là chú chửi càn, kể cả mẹ của chú nữa, bởi vậy nên mọi người gần như xa lánh chú hết.

Nhưng không hiểu vì sao, một hôm

TUỔI TRẺ[?] ĐEM ĐẠO VÀO ĐỜI[?]

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Dấu hiệu thoái trào hay hưng thịnh của một tôn giáo không dễ dàng nhận ra qua cách biểu hiện rõ ràng như trường hợp tương tự của một nền kinh tế hay chính trị. Lý do đơn giản bởi vì bản chất của tôn giáo là đời sống tâm linh. Thế giới tinh thần không có đơn vị cụ thể để cân đo, đong đếm... nên lắm khi sự thịnh suy tôn giáo diễn ra nghịch lý với những quy ước đời thường.

Riêng đối với trường hợp Phật giáo thì dấu chỉ thịnh suy được ghi nhận trên phạm hạnh của giới Phật tử xuất gia và phước hạnh của hàng Phật tử tại gia.

Một luận sư Tích Lan, thầy Anzar Mahadi, cho rằng: Một tôn giáo như Phật giáo có dấu hiệu trên đường đi xuống khi giới Phật tử cao niên muốn đem Đời vào Đạo, chấp nhặt những hình thức lễ nghi cầu kỳ đơm mui mê tín, bị dính mắc với thế giới hình tướng giả danh, chùa to tượng lớn bên ngoài mà lãng quên tôn tượng và tính Phật có sẵn trong chính mình.

Ngược lại, là khi tuổi trẻ Phật tử đem Đạo vào Đời để làm sáng đạo giữa cộng đồng thế giới.

Tuổi trẻ tham gia phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam một thời

Khởi đầu thập niên 1930, noi gương Miên Điện, Tích Lan, Nhật Bản và nhất là Trung Hoa với Thái Hư Đại Sư làm chủ xướng, một phong trào chấn hưng Phật giáo đã hình thành ở Việt Nam. Có thể nói tinh thần cốt lõi trong công cuộc chấn hưng Phật giáo là đem đạo vào đời. Đó là một quá trình hiện đại hóa để khởi động và phát huy vai trò tích cực của đạo Phật, biến tâm linh thuần lý kinh điển thành tâm linh ứng dụng đời đạo hạnh trong cuộc sống. Đặc biệt là khuynh hướng đưa tuổi trẻ vào đạo Phật.

Đầu tiên, tại Sài Gòn năm 1931, Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học ra đời. Sau đó là Hội Lương Xuyên Phật Học do ngài Khánh Hòa, Huệ

Quang, Khánh Anh khởi xướng. Tại Trung kỳ, năm 1932 ngài Giác Tiên, Phước Huệ, cư sĩ bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám thành lập Phật Học Hội Trung Kỳ tại chùa Từ Đàm Huế. Năm 1934 ở Bắc kỳ, năm 1934, có ngài Tô Liên, Trí Hải, ông Nguyễn Năng Quốc, Trần Trọng Kim và một số quý ngài thành lập Bắc Kỳ Phật Giáo Tổng Hội. Những hội trên đều có mục đích và chương trình hoạt động giống nhau là chinh đôn Thiên môn cho được thanh tịnh, đào tạo một thế hệ mới và hỗ trợ các tu sĩ chân chính có căn bản học thức để hoằng dương Phật pháp.

Cư sĩ Tâm Minh đã cùng với các danh tăng, trí thức Phật giáo, cư sĩ và đại chúng Phật tử có khuynh hướng cấp tiến đương thời đã vực tuổi trẻ dậy. Vực dậy từ bóng mờ bị che khuất sau lưng thế giới người lớn. Các em đã được thế hệ đàn anh thương quý đón mời để dẫn tới trước cửa ngõ Văn hóa Phật giáo. Tuổi trẻ Việt Nam lần đầu được tiếp cận đạo Phật với tư cách của những người trẻ tuổi có tri thức,

nhân cách và vị thế riêng chứ không phải là những “ông bà già thu nhỏ” lon ton nín áo chạy theo những cụ già đạo hữu đã thành cây đại thụ trong Vườn Nhà Lam như bao nhiêu năm về trước.

Đây là lần đầu tiên, các em thiếu nhi không phải là những người lớn thu nhỏ mà có hẳn một vai trò được công nhận trong sinh hoạt Phật giáo Việt Nam thời cận đại. Đó là sự ra đời của Gia Đình Phật Hóa Phổ – Tiền thân của Gia Đình Phật Tử Việt Nam – vào năm 1930 với sự tham gia của một thế hệ đàn anh, đàn chị là những nhân vật thành danh, có đầy đủ năng lực và uy tín trong nhiều lĩnh vực, đảm trách vai trò huynh trưởng lãnh đạo, tổ chức và giáo dục.

Năm 1940, đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục, được gọi theo tiếng Pháp là “Commission d’Études Bouddhiques et de Perfectionnement Moral” được thành lập tại Huế. Ngày Phật Đản 1944, một đại hội thanh niên được tổ chức tại đồi Quảng Tế, Huế, khai sinh Gia Đình Phật Hóa Phổ. Đó là tiền thân của Gia Đình Phật Tử sau này.

Nhờ viễn kiến với tầm nhìn xa, thấy rộng của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và các trí thức, văn nghệ sĩ Phật giáo tuổi trẻ hay thuộc khuynh hướng trẻ đầy nhiệt tình khai phóng nổi tiếng thời bấy giờ mà tinh thần kế thừa của thế hệ trẻ được nuôi dưỡng và phát huy trong khung cảnh cửa thiền. Những tên tuổi đã thành danh như Tráng Thông, Đinh Văn Nam, Võ Đình Cường, Phạm Hữu Bình, Lê Bôi, Nguyễn Hữu Ba, Phạm Đăng Trí, Lê Ngọc Thừa, Đinh Văn Vinh, Ngô Văn Giảng, ... đã cùng nhau nâng đỡ đóng góp tài năng và tâm lòng cho thế hệ trẻ.

Chú trương nổi bật nhất của công cuộc chấn hưng dành cho tuổi trẻ là khai phóng và kế thừa. Khai phóng là sự khai thông, mở trí, đối thoại, bình đẳng của mọi khuynh hướng thay đổi theo chiều hướng tích cực của trào lưu tự do dân chủ trên toàn thế giới như cải tiến, chấn hưng. Đó là một tiến trình cải cách và ứng dụng nhằm làm rõ thêm, đẹp thêm, phong phú thêm và hữu dụng thêm từ một thực tại đang bị thoái trào hay đứng yên trong tù đọng và xuống cấp trong lãng quên. Khai phóng là phá bỏ những rào cản giới hạn, nhất quán và quyết đoán mở ra những con đường tươi mới, phát huy những khả năng và tiềm năng tổng hợp để vận dụng vào nỗ lực phá bỏ hiện trạng tiêu cực và xây dựng lại theo hướng tiến tích cực. Nói tóm lại, khai phóng là tiền đề của tự do dân chủ, của cánh cửa thoáng rộng để hiểu và bước vào cửa ngõ của Văn Hóa Phật Giáo.

Tuổi trẻ Phật tử Việt Nam ngày nay trước nhu cầu chấn hưng Phật giáo

Cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ứng dụng vi tính (computer) và mạng lưới thông tin toàn cầu (internet – world wide web) đã đẩy lên những bước tiến nhảy vọt trong lĩnh vực truyền thông đại chúng. Với lượng thông tin đồ sộ và không thiếu vắng về bất cứ một ngõ ngách hay vấn đề nào, hầu như hết thảy mọi cơ chế xã hội và truyền thông tâm linh, văn hóa trên toàn thế giới bị đánh động và thức dậy để tự tìm hiểu, nhìn ngắm hay đánh giá lại chính mình. Đây chính là tiền đề và động cơ chủ yếu trong các cuộc cải cách chính trị, cải tiến xã hội và chấn hưng tôn giáo.

Phật giáo Việt Nam còn ở trong một vị thế đặc biệt hơn là đã liên tiếp trải qua những chặng đường lịch sử cam go sau 1963 và 1975, nên vấn đề chấn hưng hiện đại hóa Phật giáo là một nhu cầu cấp thiết, nếu không muốn đạo Phật khỏi bị thoái trào trước những đối lực cải đạo ngày càng tăng.

Nói về tuổi trẻ Phật tử thì phải nói đến tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam mà những đoàn sinh tiền phong thời 1930, 1940 nay phần đông đã quá vắng hay đang là những cụ già lum khum. Biên cô lịch sử 1975 là “ngọn lửa thứ vàng” cho sức sống và vai trò sinh động của tuổi trẻ Phật tử trước thời cuộc. Bảy mươi năm, một đời người “thất thập cổ lai hy”, thông qua Gia Đình Phật Tử, tuổi trẻ tin theo hay có cảm tình với đạo Phật đã chứng tỏ niềm tin bất thối chuyển về sự hiện hữu và tác dụng cứu khổ của đạo Phật giữa cuộc đời thường đã “ba chìm” trên quê hương và “bảy nổi” nơi quê người.

Theo thầy Thích Đạo Tịnh thì hiện nay đã có 1250 đơn vị Gia Đình Phật Tử Việt Nam và các đoàn thể Cựu Huỳnh Trưởng (Hương Sen, 2014) sinh hoạt hàng tuần tại trong nước và trên khắp thế giới. Có thể nói đây là những chiếc cầu thế hệ bắc qua những bên bờ tâm hồn khác biệt về tuổi tác, hoàn cảnh và bộ phái...

Tuổi trẻ Việt Nam có khuynh hướng Phật giáo ngày nay, bên cạnh tổ chức Gia Đình Phật Tử, có rất nhiều nhóm phái và cá nhân độc lập năng nổ tham gia những sinh hoạt Phật giáo dưới nhiều hình thức như học Phật, tu học, hành hương, từ thiện, xá hội. Nhìn qua lăng kính tích cực và tinh thần hóa giải của đạo Phật, tuổi trẻ Phật tử đang làm sáng đạo bằng

cách đem đạo vào đời. Cụ thể là giới trẻ đã hiểu đạo và hành đạo với tinh thần “tâm không ngăn ngại nên không sợ hãi” của trí Bát Nhã (cao rộng) và tâm Ba La Mật Đa (hoàn mỹ) vào đời. Đó chính là tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ cốt tủy của đạo Phật đã được thế hệ đàn anh trao truyền lại cho thế hệ đàn em làm điểm tựa cho hành động cụ thể: Bi, Trí, Dũng.

Tính từ ngày đoàn Đồng Ấu Phật Tử thành lập năm 1935 dành cho thiếu niên Phật Tử từ 12 đến 18 tuổi trong hoàn cảnh đất nước nhiều biến động không ngừng cho đến khi gia đình Phật tử Cựu Kim Sơn, đơn vị Gia Đình Phật Tử Việt Nam đầu tiên ở nước ngoài thành lập tại San Francisco năm 1976 tới nay, tuổi trẻ Phật tử đã trải nghiệm một chặng đường dài 70 năm sức mạnh của tinh thần Bi, Trí, Dũng.

Tuổi trẻ đem đạo Phật vào thế giới phương Tây

Sau năm 1975, hàng triệu người Việt mới thật sự sống ở thế giới phương Tây, nhất là Hoa Kỳ, so với trước đây họ đến đất nước này chỉ để thăm viếng hay liên hệ dịch vụ. Trong mớ hành lý còn sót lại sau chặng đường lao đao chìm nổi, có dành một góc khuất cho đời sống tâm linh. Dấu đó là khuynh hướng thờ phụng Ông Bà, hành đạo theo Thiên Chúa giáo hay Phật giáo... thì vẫn là một cách riêng có sự tương tác giữa đạo và đời.

Đối với xã hội phương Tây thì việc thờ cúng ông bà là sự thể hiện một hình thái văn hóa riêng của từng cá nhân và gia đình, chẳng ăn nhập gì với cuộc sống đại chúng. Thiên Chúa giáo là một tôn giáo cộng đồng cơ bản của phương Tây. Chỉ có Phật giáo là con đường tâm linh tươi mới

đến từ một phương Đông huyền bí. Đối với người Âu, Mỹ bề mặt nổi của hình thức lễ nghi, chùa viện, tăng đoàn, đạo tràng chỉ mới là lớp đèn màu trang trí ngoài da. Lý thuyết nhà Phật và phương cách thâm nhập, thực hành mới là xương thịt, là nhu cầu thực sự của xã hội phương Tây khi tiếp cận với đạo Phật.

Bởi vậy, trong gần 40 năm đạo Phật Việt Nam thâm nhập vào xã hội phương Tây, văn hóa Phật giáo đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong nếp nghĩ thiên về tâm linh của người Âu Mỹ. Đặc biệt là giới trí thức Phật tử và nhất là giới trẻ thông thạo cả hai ngôn ngữ mẹ đẻ và ngoại ngữ cũng như hòa quyện được hai nền văn hóa Đông, Tây là những đóng góp tích cực nhất cho quá trình đem đạo vào đời.

Trong mùa An cư Kiết Hạ năm nay, 2014, trong cộng đồng văn hóa Phật giáo tại Hoa Kỳ, nhiều bậc tôn túc, thiện tri thức và cư sĩ, Phật tử có một niềm vui về giới trẻ Phật tử. Trong số nhiều thành viên của các tổ chức tuổi trẻ Phật tử ở hải ngoại thành đạt ưu hạng trong học vấn và học vị, có những huynh trưởng Gia Đình Phật Tử như Bạch Xuân Khỏe (bút hiệu: Tâm Thường Định). Anh là một cựu Liên đoàn trưởng Gia Đình Phật Tử Kim Quang, thành phố Sacramento; một đạo hữu thuần thành của chùa Kim Quang và một thiền sinh học Phật ở tu viện Thiền tông Việt Nam – Diệu Nhân – California. Qua những năm năng nổ sinh hoạt với cộng đồng Phật giáo ở nhiều chùa viện, Khỏe đã đem đạo Phật vào đời sống tri thức (learner) và trí thức (intellectual) của mình thể hiện trên nhiều mặt.

Trong lĩnh vực tri thức thuần túy, Bạch Xuân Khỏe là một người trẻ

tuổi Phật tử học Phật khiêm cung và đầy thiện chí. Luận án Tiến sĩ (Doctoral Dissertation) của anh vừa trình duyệt và bảo vệ thành công vừa qua là một công trình Phật học Ứng dụng với đề tài: Tinh Thần Chánh Niệm Trong Lãnh Đạo (Mindful Leadership). Nội dung luận án nhấn mạnh tiêu đề rằng: “Một Nghiên Cứu về Hiện Tượng các Tu Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ đối với Vai Trò Lãnh Đạo Tinh Thần và những Đóng Góp của quý Ngài cho Xã Hội.” (A Phenomenological Study of Vietnamese Buddhist Monks in America with Respect to their Spiritual Leadership Roles and Contributions to Society.) Sau nhiều năm tham khảo, nghiên cứu ở giảng đường và thư viện kết hợp với nhiều cơ hội được tiếp cận học hỏi và tham khảo với quý Thầy, Sư Cô... mùa Hè năm 2014, Bạch Xuân Khỏe đã đỗ “ông Nghè” từ đại học Drexel University tại Sacramento.

Về phương diện trí thức đích thực thì một người có tri thức và dùng tri thức của mình để làm những điều tốt đẹp cho mình và cho người là một người trí thức.

Tân tiến sĩ Bạch Xuân Khỏe đã thể hiện được phẩm chất trí thức khi đồng thời trong ngày lễ tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Giáo Dục (Doctor of Education), anh đã tổ chức lễ ra mắt hai tác phẩm mới, một bằng tiếng Anh và một bằng tiếng Việt:

- AWAKEN Buddhism Nature and Life
- Tướng Niệm và Tri Ân

Đây là hai tập thơ tiếp nối những tác phẩm thơ mà anh đã xuất bản từ những năm trước đây. Điều đáng nói ở đây không phải là khía cạnh phê bình nhận định văn học mà là cái Tâm của tác giả, khi anh tự nguyện công hiến phần lợi tức phát hành



Tân tiến sĩ Bạch Xuân Khỏe đã thể hiện được phẩm chất trí thức khi đồng thời trong ngày lễ tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Giáo Dục (Doctor of Education), anh đã tổ chức lễ ra mắt hai tác phẩm mới, một bằng tiếng Anh và một bằng tiếng Việt: AWAKEN Buddhism Nature and Life / Tưởng Niệm và Tri Ân

sách cho quý sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử Kim Quang, Thiện Tâm và quý xây dựng chùa Kim Quang.

Ngoài vị thế của một Phật tử thuần thành, Khỏe cũng là người có gia đình vợ con để lo toan và làm giáo sư khoa học tại trường trung học Mira Loma để sinh sống. Thế nhưng anh vẫn “nhín” được chút thì giờ để sinh hoạt thường xuyên tại các chùa, học hành và viết lách trong bao nhiêu năm mới được như ngày nay. Bởi thế, trong bài viết về tuổi trẻ Phật tử đem Đạo vào Đời, xin đưa trường hợp Bạch Xuân Khỏe như một ví dụ điển hình để minh họa cho tinh thần tích cực hướng thượng của tuổi trẻ Phật tử hôm nay đối với dân tộc, đạo pháp, gia đình và bản thân của chính mình. Anh là một người bình thường như muôn nghìn người bình thường

khác. Nhưng “bình thường tâm thị đạo” khi có tâm thành với đạo, nghĩa vụ với đời, ân tình với người thân và bằng hữu.

Trong khung cảnh Phật giáo Việt Nam đang bị vây bủa bởi ảnh hưởng tiêu cực nặng nề của tinh thần phân tranh, phân hóa ngày càng làm cho người Phật tử ưu tư suy nghĩ như hiện nay, vấn đề chấn hưng và hiện đại hóa Phật giáo đang trở thành một nhu cầu bức thiết. Đạo Phật là biến cả mệnh mông chảnh nổi sóng ba đào hay khô cạn đi vì biến động của những dòng sông, con suối. Nhưng nếu cộng đồng người theo đạo Phật trong một vùng đất hay một thời kỳ nào đó gặp chướng duyên vì những sự phân tranh phi Phật pháp giữa các bộ phái và hàng giáo phẩm thì sẽ bị đánh mất đi duyên lành tu học trong

kiếp làm người “bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ” hôm nay.

Dấu sao thì hy vọng vẫn đang dấy lên khi có những tấm lòng tuổi trẻ Phật tử đượm duyên lành đem Đạo vào đời, tạo khả năng làm cho đạo Phật càng ngày càng sáng tỏ hơn trên con đường cứu khổ, mua vui. Tuy tất cả chỉ là phương tiện nhưng trong nhân đã có quá và trong phương tiện đã có mầm của cứu cánh. Ước mong thế hệ kế thừa là những mầm măng mọc đều, mọc thẳng dựng lại những bức thành tươi mới cho đạo Phật Việt Nam.

Sacramento, cuối mùa
An cư Kiết hạ 2014

TRẦN KIÊM ĐOÀN

chung cất



Cuộc đời nhiều khi cách nhau có một dòng sông, một đường tơ mà không sao vượt qua được. Bên kia sông là một dải đất dài với bạt ngàn cây xanh, nắng ấm chan hòa. Hoa phượng nở đỏ điểm xuyến khung cảnh, tiếng chim kêu cao vút giữa tầng trời, gió mang hơi nước thổi ngang qua mát rượi. Anh nhìn xuống chân mình và ngoái lại đằng sau. Đất dưới chân khô nhám, rải rác mấy cọng rơm khô và lá rụng theo gió bay bay. Đằng sau anh nhấp nhô những túp lều thôn xóm mà anh có biết bao nhiêu kỷ niệm. Mỗi lần anh bước đi đều nghe tiếng kêu van nài khẩn thiết siết chặt tim mình. Thế là anh không nỡ. Bước đến bờ sông anh nhìn sang bờ bên kia cảm nhận được sự mát lạnh của một vùng pháp giới khác. Nhưng có phải vì bờ bên kia đời luôn xanh hơn, cái gì ngoài tầm tay với luôn luôn đẹp chẳng. Và cho dù anh có sang bờ bên kia thì chắc tim anh cũng luôn trĩu nặng về vùng đất bên này đang tang thương thống khổ. Như thế sẽ không còn vui và anh sẽ đứng chênh vênh hai bờ suy tưởng, không thể hòa nhập trọn vẹn vào bất cứ nơi đâu. Anh đâu muốn mình là con dơi để hòa vào bầy chim hay bọn thú tùy hoàn cảnh. Anh chỉ là chính mình thôi. Thế nên anh vẫn ra bờ sông, trân trọng từng ngọn gió mát lạnh thổi đến, từng màu xanh mướt của cây trái và chùm hoa nở đỏ hy vọng bờ bên kia. Anh nhận ra rằng cũng chỉ có đất đai, màu xanh, làn gió ấy thôi chứ không phải là một điều gì khác nữa. Đất dưới chân anh cũng là đất bên kia bờ, hoa phượng đỏ cũng chỉ là hoa phượng, không có phượng bên này hay phượng của bên kia và gió thì chỉ một làn luân lưu khắp chốn. Anh mở rộng lòng mình ra nâng niu chúng. Và chỉ riêng cái tâm thức mở ra bát ngát đã là một niềm vui lớn cho anh. Thiên nhiên bên kia bờ đi vào trong tâm tư anh để tái sinh lại nơi bờ bên này. Tuy bắt đầu chỉ có vài cơn gió nhưng rồi sẽ có cây xanh, sẽ có lâu đài đình tạ. Rồi bên này cũng là bên kia. Anh không cần phải qua sông hay day dứt gì nữa mà ngồi xuống bên bờ cứ thế mà chìm trong trời xanh mây nước tuyệt thú tiêu dao. Cho đến ngày đó anh vẫn cố gắng không ngừng. Anh ngược nhìn lên trời cao ngắm một màu xanh ngọc bích và vài dải lụa mây trắng lững lờ rồi quay người về lại túp lều nhỏ bé của mình, im lặng làm công việc chùng cất thiên nhiên.

Sài Gòn, ngày 19/5/2014

HOÀNG LONG

ĐỘC HÀNH

VĨNH HẢO

Trăng hạ huyền chênh trên đầu ngọn thông cuối đường. Một mình giữa đêm. Trụ đèn kiên nhẫn đứng thẳng và im lặng; bên cạnh cây bạch đàn cao ngất đang lao xao trước gió. Đèn vàng lay lắt tỏa bóng trong màn sương. Màu bông giấy đỏ rực dưới nắng mai, giờ trở nên tím sẫm. Con mèo lười lười, bước nhẹ trên mái nhà ai. Hoa một đoá, nở trong vườn đêm tịch mịch. Mùi cỏ dại phảng phất đâu đây. Trong phút giây bỗng thấy đời thênh thang, vô cùng.

Chẳng có gì đơn độc sinh ra, tồn tại, chuyển động, và biến

mất giữa cõi đời. Chẳng có gì gọi là độc hành, độc lập, độc bộ, độc cư, cô thân, cô độc, cô đơn... Tất cả sự sinh xuất, chuyển động đều là sinh xuất, chuyển động của tổng thể, của những tập hợp các nhân duyên, các điều kiện. “Núi không là núi; sông không là sông.” (1) Chẳng có gì có thể tự sinh ra; chẳng có gì có thể được sinh ra từ một nguyên nhân (duy nhất) khác; chẳng có gì có thể vừa được sinh ra bởi chính nó và cùng lúc từ một nguyên nhân khác; cũng chẳng có gì có thể sinh ra mà không cần nguyên nhân nào cả. (2)

Thế nhưng trong đời sống thực tế, người ta vẫn thường cho rằng, hoặc mặc nhiên xác tín rằng, họ đã sinh ra và tồn tại như một cá thể độc lập; có riêng một thể xác, tâm hồn và tên họ, thủ đắc những sở hữu phụ thuộc (như tài sản, tài năng, sắc đẹp, danh vọng...); từ đó dẫn đến những khổ đau, hệ lụy cho mình, cho người, và cho cả cuộc đời. Chỉ đến khi, do một biến cố hay thảm họa nào đó, bị vượt mất tất cả những gì dính ninh là của mình, thuộc về mình, mới nếm được nỗi thống khổ cùng tận (mà mình đã từng gieo đến cho kẻ khác) để rồi

chạy đôn chạy đáo, tìm đến tập thể; đồng hóa mình với một tổ chức, nhằm cứu vãn sự tồn tại của bản ngã thông qua phóng ánh của tổ chức ấy. Nghĩa là trong mộng tưởng, lại vẽ vời thêm mộng tưởng; nơi chiếc giẻ rách, lại vá thêm miếng giẻ rách. Sự vay mượn, vá vúi, chẳng thể nào là giải pháp hay cho sự tìm cầu giá trị tự thân và hạnh phúc chân thật của cuộc tồn hữu.

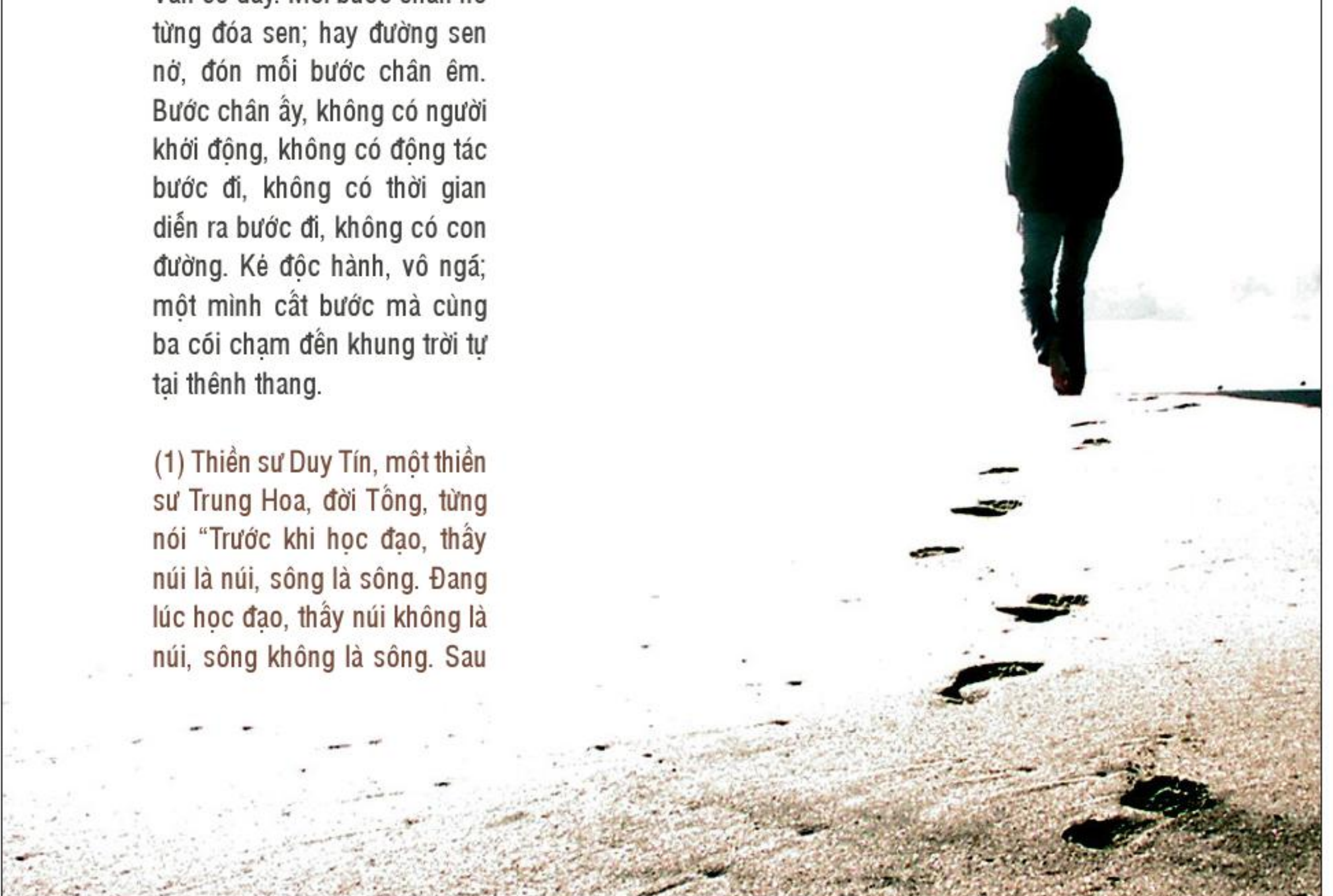
Như vậy, có chăng sự độc hành của lữ thứ trên mộng dài xa quê, ngang qua cuộc đời chập chùng khổ đau, phiền lụy? Có chăng bước độc hành của thiền giả trên đường về cô quận bồng bênh mây trắng?

Vấn có đây. Mỗi bước chân nờ từng đóa sen; hay đường sen nờ, đón mỗi bước chân êm. Bước chân ấy, không có người khởi động, không có động tác bước đi, không có thời gian diễn ra bước đi, không có con đường. Kẻ độc hành, vô ngã; một mình cất bước mà cùng ba cõi chạm đến khung trời tự tại thênh thang.

(1) Thiền sư Duy Tín, một thiền sư Trung Hoa, đời Tống, từng nói “Trước khi học đạo, thấy núi là núi, sông là sông. Đang lúc học đạo, thấy núi không là núi, sông không là sông. Sau

khi ngộ đạo, thấy núi vẫn là núi, sông vẫn là sông.” Phát biểu này được xem như một khẩu quyết, một chỉ nam tóm thâu kiến giải và trình tự liễu ngộ về Thiền.

(2) Chư pháp bất tự sinh. Diệc bất tùng tha sinh. Bất cộng bất vô nhân. Thị cô tri vô sinh. Các pháp không thể tự sinh; không sinh từ pháp khác; không sinh bởi cả hai (tự và tha) hợp lại; cũng không thể tự nhiên mà sinh (vô nhân – không có nhân); vì vậy nên biết rằng các pháp vốn không sinh (chẳng có gì thực sự sinh ra). (Bài kệ thứ 3 của Trung Luận)



*Tặng tất cả những ai nhớ về
một Sài Gòn thơ mộng*

SÀI GÒN RUN RẦY TRONG TIẾNG MÁY CỬA

TUẤN KHANH

Này, tôi tin là bất kỳ ai trong số các bạn, kể cả tôi, những người đang nhớ về Sài Gòn trong những ngày buộc phải rũ chiếc áo xanh thay vào một bản vẽ tương lai, đều có quyền đặt ra một vài câu hỏi, dù là thì thầm hay hỏi thật to.

Vì sao phải thương nhớ một hàng cây, thương nhớ một hình dáng cũ?

Trong những bức ảnh thời sự cuối tháng 7/2014, có thể thấy rất nhiều người đứng lại, tần ngần ngắm nghía Sài Gòn, chụp ảnh kỷ niệm với những chiếc lá xanh không quen biết. Chắc họ cũng đã không thể trả lời được rõ ràng cho câu hỏi này, vì ít có ai chuẩn bị đủ tâm lý cho một cuộc chia ly như vậy.

Sài Gòn tháng 7 bỗng không nóng bức như thường lệ. Cái lạnh đến sớm một cách khó hiểu, từng chiều, làm hiu hắt thêm một thành phố toác rộng, nhấp nhô với bê-tông. Tại vòng xoay phun nước, hai cụ già đang lóng ngóng thay phiên chụp ảnh nhau làm kỷ niệm. Trước đây, nơi này nhộn nhịp người qua lại bên hàng liễu xanh, giờ hoang vắng lạ. Chụp giùm cả hai cụ một tấm ảnh, nhân tiện hỏi vui “Chỗ này có kỷ niệm riêng của hai bác?”. Ông cụ cười, không trả lời mà lại hỏi “Người ta không chọn được một nơi nào khác để làm nhà ga sao cậu?”. Câu hỏi đó tôi lại không thể trả lời, cũng như hàng triệu người thương mến thành phố của mình cũng không thể trả lời. Thậm chí, nhà ga hiện đại, to đẹp tương lai sắp tới, hầu như cũng

không ai nhìn thấy được mô hình hay một bản vẽ giới thiệu về nó rõ ràng ở đâu, để mọi người có thể hình dung về sự đánh đổi này. Đây là điều tôi thiếu mà bất cứ một cuộc làm mới nào ảnh hưởng đến con người, trên mọi quốc gia văn minh đều phải thực hiện.

Thành phố hơn 300 năm tuổi, được liệt vào hàng kỳ vật của cả thế giới đã đột ngột biến dạng trong mắt nhiều người. Nhìn những chiếc cửa máy gầm rú vật ngá từng cái cây đã đứng đó, lá cây rơi vãi như những trang nhật ký của đời, từng ghi lại bao thăng trầm của thành phố này mà lòng khó tả. À, vì sao chúng ta không thể chọn một vài phương án, và người dân ở thành phố này sẽ cùng bỏ phiếu



chọn lựa cho con đường phát triển của chính mình? Chắc chắn London, Paris hay Moscow... hay bất cứ đâu, khi xây một ga xe điện ngầm ở ngay một di tích nhiều tuổi của họ, người dân chắc cũng sẽ muốn được bỏ phiếu, thể hiện tâm nguyện như vậy. Và thôi, đừng nói với tôi về biểu quyết Hội đồng Nhân dân TP, tôi không biết gì về họ, ngoài những hình ảnh vỗ tay nhiệt liệt và chơi game khi nhấn nút biểu quyết.

Tôi nhìn thấy những cái cây được bọc rế cẩn thận, khi được nhổ ra nơi cư trú của nó giữa Sài Gòn. Chắc chắn đã có ai dặn dò việc chuyển giao nó về một nơi nào đó để giữ lại trong tiếc nuối. Nhưng tôi cũng nhìn thấy những cái cây được kéo xuống, cưa nhỏ và mang đi. Cây và củi là hai ý nghĩa khác nhau, nhưng củi có tuổi 100 năm lại là một khái niệm khác.

Đại lộ Lê Lợi, một trong những đại lộ đẹp nhất Việt Nam với gió, nắng và lá... được thay vào đó bằng điện, sắt và hầm ngầm, dù gọi là để phát triển, thì dĩ nhiên cũng phải có chút chạnh lòng.

Ai cũng muốn đất nước mình đẹp hơn, hiện đại hơn. Việc xây dựng và buộc phải hy sinh một điều gì đó, đôi khi là điều cần thiết, không thể chối cãi. Nhưng với những gì lâu nay mà từng người dân Việt được biết, thì việc tiếc nuối pha lẫn sự lo âu là một điều có thật.

Ai cũng nhớ rằng Sài Gòn là một vùng đất lún, cần hàng ngàn tỉ để phục hồi nhưng vẫn chưa làm được. Ai cũng nhớ rằng cả nước đã có những công trình kéo dài ngày này qua ngày khác và xuống cấp do thiếu tổ chức và đồng bộ. Nhưng điều đó không quan

trọng rằng, ai ai cũng nhớ rằng trên đất nước này, đã có rất nhiều công trình được gắn mác hạng mục quốc gia, quan trọng hơn cả ga xe điện ngầm này, được ca ngợi hết mực, nhưng bị đục ruỗng, chỉ vài tháng, hoặc một năm đã hư hỏng, đã rời rã. Thậm chí những con đường sinh lộ của cả quốc gia được tìm thấy cốt tre pha xi-măng dóm. Một cái cầu vừa xây xong, tháng sau đã không dùng được nữa...v.v nhưng không hề thấy có ai phải chịu trách nhiệm. Những câu chuyện có thật và liên tục như vậy đã hoang phí ngân khố và niềm tin của cả quốc gia đến tận cùng.

Tất cả những điều đó xảy ra, buộc người dân có quyền bồi hồi và lo sợ cho cái sẽ đến, đánh đổi, rằng liệu có thật sự đáng giá hay không? Họ cũng cần được nghe một ai đó nói cho họ, quá quyết về tương lai hoặc có ai đó



Hình: **TUẦN KHANH**

chịu trách nhiệm rõ ràng cho những bất cập sẽ tới. Đơn giản vì họ là cư dân, là chủ nhân của thành phố này. Nhưng tiếc là, chỉ có tiếng gầm rú của cưa máy, của những công nhân hò nhịp thay cho tiếng nói của họ, hạ gục từng cái cây quen thuộc và tin cậy của họ gục xuống.

Cây có linh hồn không? Thật ngớ ngẩn cho câu trả lời, nhưng nếu như hàng cây đã từng ngắm nhìn thành phố qua bao thế hệ, chắc chắn đã chia sẻ cùng con người nơi này những điều bí ẩn, nhưng đủ để hồi sinh nhau qua nhiều khôn khó.

Nếu nhắc lại, có thể chúng ta sẽ bật cười khi nhớ đến nhiều bài báo lo về sinh mạng của một con rùa già ở Hồ Gươm, Hà Nội. Thậm chí đã có

các báo cáo khoa học đòi cải thiện tình trạng ô nhiễm của nước hồ để cứu con rùa đó. Người ta ca ngợi đó là di vật, là niềm tin. Nhưng hạ gục thật nhiều hàng cây trăm tuổi, lấy đi lá phổi của hàng triệu người thì đã chẳng có một sự chất vấn nào xứng đáng cho di vật hay niềm tin.

Một người bạn trên Facebook, anh Alvin Tango, nhắc tôi về câu chuyện được đăng trên báo Trung Quốc, rằng có người đàn ông đã bán một trái thận để mua Ipad, để sống với đời hiện đại của mình. Người Sài Gòn khi chịu cắt đi hơi thở quen và lịch sử của mình, chắc cũng cần nghe một lời gián thích chân tình hơn là một mệnh lệnh.

Tất cả mọi người hiện chỉ nhìn thấy

những tiếng thở dài về một Sài Gòn quen thuộc. Phái chẳng thói quen nhẫn nại chịu đựng và chấp nhận mọi thứ, việc tăng liên tục xăng, điện... cho đến những cuộc tấn công máu lạnh của công an vào dân thường ngay trên đường phố, mỗi ngày nhìn thấy trên báo chí, đã khiến mọi người chỉ còn khả năng đóng kín cửa, thì thầm và sụp đổ khả năng tư duy phản biện về điều thiết thân của mình? Và có thể vì vậy, lặng lẽ thương nhớ những hàng cây cũ giữa tiếng máy cưa, là điều duy nhất những người yêu Sài Gòn có thể thấy được vào lúc này.

TUẦN KHANH

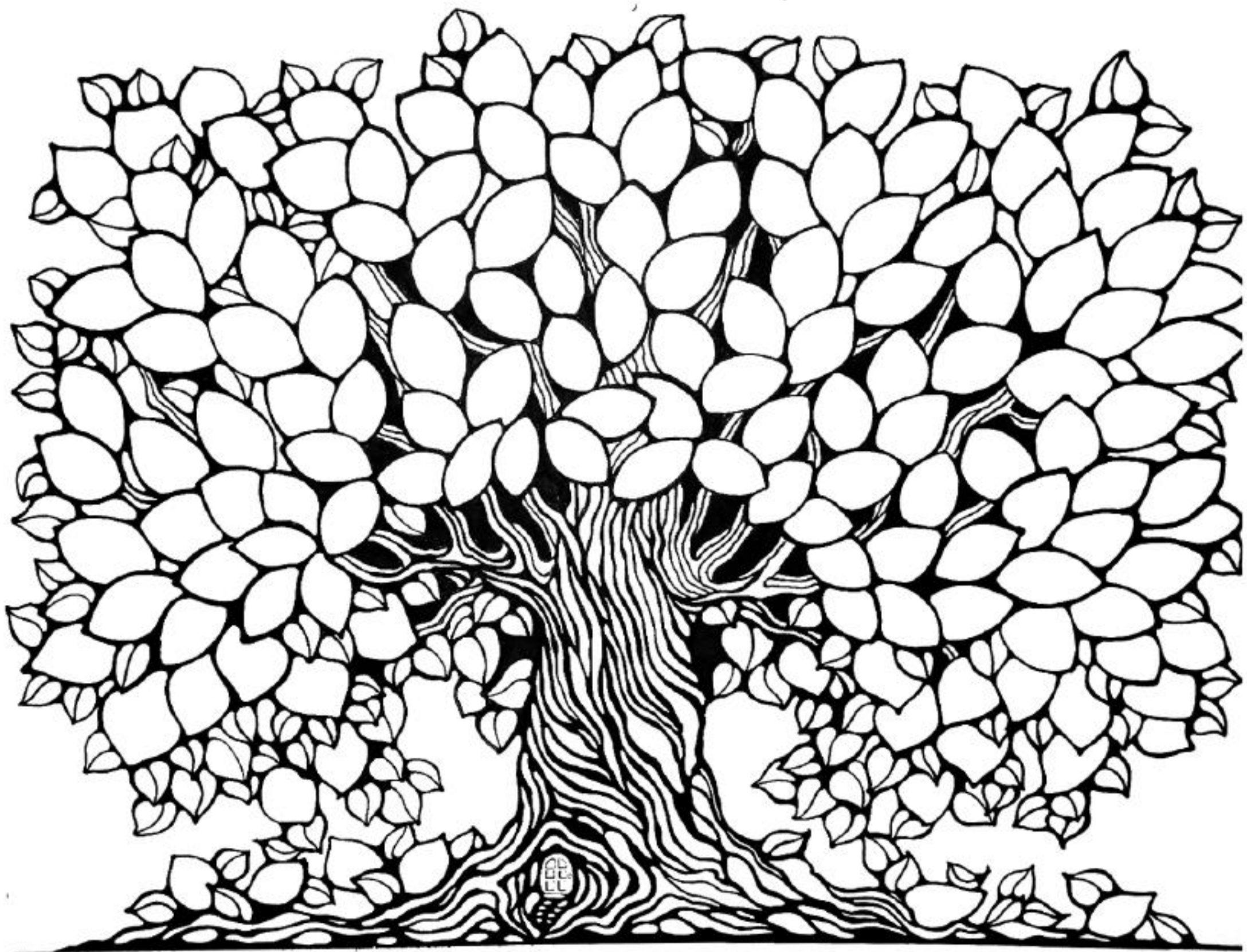
VẪN NHỚ VỀ CÂY XANH THÀNH PHỐ

Đối với tôi và nhiều người, những hàng cây cổ thụ ở Hà Nội, Sài Gòn không chỉ là cây xanh, mà còn là kỷ niệm, ký ức, là nỗi nhớ là hồn vía của đô thị, nơi nhiều người từng sống, đang sống và đến đây kiếm sống! Sống lâu ở đô thị, mỗi hàng cây mỗi góc phố mỗi căn nhà đường phố trở nên thân quen, nó mang lại cảm giác bình yên của một đô thị “đáng sống”, dù cuộc sống vẫn còn quá nhiều bề bộn.

Chiều nay đi qua đầu đường Lê Lợi trông thấy cánh những cây cổ thụ bị cưa ngọn cưa thân một cách vội vã, lạnh lùng... Nhìn phố trở trọi... bỗng ứa nước mắt. Con đường Đồng Khởi có vài khoảnh xanh ở công viên Chi Lăng, ở công viên trước Nhà Hát Lớn... từ gần trăm năm nay thế là không còn nữa. Mấy tòa Vincom mọc lên, Eden biên mất, tòa nhà cổ

5 tầng đôi diện Vincom cũng bị san bằng rồi. Chưa biết đẹp ở đâu (và có đẹp không?) nhưng một phần ký ức rất đẹp của Sài Gòn đã vĩnh viễn ra đi.

Có phải cứ hiện đại là phải trả giá bằng cách triệt hạ thiên nhiên như thế này không?! Sài Gòn đã không còn gì của 300 năm, bây giờ những gì của 100 năm cũng sắp mất hết! Nếu vì hiện đại mà chỉ biết chặt cây



cổ thụ, chỉ đập cú xây mới, mà không hề có sự cố gắng giữ lại lịch sử thì có lẽ công việc quản lý đô thị của các sở này ngành nọ, của việc quy hoạch với kiến trúc thật quá dễ dàng!

Đô thị khác nông thôn chính là ở chỗ, mỗi cây xanh trên phố khi trồng khi chặt đều được tính toán cẩn thận, nhất là khi nó đã gần trăm năm tuổi, lại ở trung tâm thành phố, nơi mà có thể coi là tiêu biểu cho đô thị Sài Gòn được xây dựng hơn 100 năm qua. Hàng cây trên đường phố đô thị không phải như trong cái vườn nhà quê mà khi cần trồng rau hay coi nói nhà của có thể đồn chặt vài cây ăn trái, trừ khi đó là cây trồng với mục đích để lấy gỗ xây nhà. Ở đô thị mà chỉ coi cây thuần túy là cây nên nhiều người đã nói rằng, để có một thành phố hiện đại, để có giao thông hiện đại thì đánh đổi như thế cũng được! Điều đáng nói là người dân thành phố không hề thấy, không hề biết chính quyền đã có một sự cố gắng để tìm giải pháp nào khả dĩ giữ lại, hoặc trồng lại cây ở đâu đó. Chặt luôn là tiện nhất! Với lý do “hiện đại” nên bao di tích bao cảnh quan là cái hồn của đô thị đã bị phá hoại. Người Sài Gòn mai này còn có gì để nhớ để nói về lịch sử Sài Gòn?

Hay là thôi, Sài Gòn cứ là của những người lạnh lùng đến đến rồi đi, vô cảm lên rồi xuống, chẳng cần phải là Sài Gòn của bao người từng ở, đang ở, từng đến đây và đang yêu quý Sài Gòn mỗi ngày...

Ông bà mình luôn ví cây với người: “Dụng nhân như dụng mộc”, “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”. Nhìn cách trồng cây có thể biết cách “trồng người”. Nhìn cách đối xử với cây có thể biết con người có được quý

SÀI GÒN...

NGUYỄN TẤN CÚ

*Cây đồn cây người đồn người
Phố đồn phố phường đồn phường
Đêm đồn đêm chiều đồn sáng
Đường đồn đường trắng dã tâm đen*

*Thân quen đồn thân quen thù hận đồn hận thù
Thương đồn ghét tình đồn tình không cần cước
Không lí lịch những căn nhà không khế ước
Không cách mạng những tượng đài thua cuộc
Gạch đồn đồn cảnh sát đồn nhân dân*

*Sài gòn đồn Sài gòn
Rừng rú đồn cây cao
Già cõi đồn chân son hao mòn thể giới
Lưu manh đồn Thúy Kiều du côn đâm Từ Hải
Bóng tôi đồn bóng râm chiều xanh rồi xâm xẩm
Những cụm dơi đen thay cho những cánh chim trời*

*Những bóng ma đồn sụm những con người
Trí thức đồn trí thức háo danh quanh con chữ
Qui dử đồn trần gian bằng hàm răng bật gốc
Sài Gòn thông thông gió lốc lừa
tàu điện ngầm siêu tốc
Những trái tim khô lẫn lóc nắng via hè*

*Anh về nơi đây cao ốc xám trời đê
Đất nê hé chui xuống đời giun dề
Em bế lửa treo trên đầu khét mòng
Đêm nằm mơ cây lá khóc xanh hồn.*

trọng hay không. Hình như luôn có sự tương đồng như thế.

Tôi đang làm một nghiên cứu về Khảo cổ học đô thị và việc bảo tồn cảnh quan di sản văn hóa Sài Gòn, nhưng e rằng, khi làm xong thì có lẽ những di sản của Sài Gòn không còn gì nữa. Chẳng lẽ lại cực đoan đến

mức mong đừng ai cho vay tiền để “hiện đại hóa” thành phố, vì khi có nhiều tiền nhưng sự hiểu biết và tính nhân văn không tương xứng thì... những gì đã mất đi không bao giờ có thể làm lại và thay thế được, vì đó chính là một phần lịch sử thành phố.

NGUYỄN THỊ HẬU

THEO MÂY ĐI CÙNG MÂY VỀ

Kỷ Sự Du Tăng của **MẠC PHƯƠNG TỬ**

DU THUYỀN HẢI ĐẢO.

Nắng đã rót vàng lên những cảnh đù là ngọn nghiêng mình bên bờ cát phẳng lì, hắt hiu những cơn gió mới mang về từ đỉnh núi xa, từ đại dương xanh biếc mù khơi, hơi biển và khí núi rừng hội tụ thanh trong tinh khôi thoáng đã lên màu thanh tân trời đất. Đoàn đã chuẩn bị đâu đó cho buổi sớm mai vừa xong, đến Bến cảng Cầu đá, tàu du lịch ra vào bên liên tục, khách du lịch chen chúc lên xuống đông đầy.

Cuộc du thuyền hải đảo bắt đầu, những con tàu rẽ sóng bạc trên mặt biển xanh, mỗi lúc tàu lặn trong biển trời, xa khuất bên bờ, chỉ còn thấy màu mây khói trắng đục ở phía chân trời.

Bãi Sỏi là điểm dừng duy nhất, nơi đây du khách ăn uống, giải trí, tắm cát, phơi nắng, hoặc nhìn ra xa biển trời cao rộng mà tư duy chiêm nghiệm.v.v... Tuy có sự ồn náo, nhưng những thanh âm dường như đã bị chìm vào giữa thình không bao la, không đủ gây tiếng vang động giữa cõi vô cùng tận.

Đoàn tiếp tục cuộc hành trình ngang qua từng hòn còn lại như: Hòn Tằm, Hòn Mun, Hòn Rơm, Bãi Tranh.v.v... Giữa cánh trời nước mênh mông, với cây cỏ um tùm, những lối mòn lạnh dẫu hoang sương, những tảng đá rêu phong xanh hồn theo năm tháng, không một bóng người. Cảm tưởng như một thế giới kỳ tuyệt rất bình yên, như bắt đi những dấu vết ký ức thời gian, như chưa hề có một ý tưởng nào chạm đến từ thuở cõi nguyên

sơ. Thời gian thoáng qua, bên cảng hiện ra dần, kết thúc chuyến du hành hải đảo.

Thế nhưng, phải đâu chừng ấy cuộc du hành ! Một khi con người vẫn còn bốn ba ngược xuôi giữa muôn vạn nẻo đời gió bụi, lao xao của dòng tâm tưởng phàm tình, của bao bên đục trong sóng dựng đài mây như ngá. Ta đâu có nghĩ rằng : du thuyền hải đảo là để lắng nghe, tận hưởng hơi thở của khí đất trời bình yên, để hòa vào tận nguồn sâu thẳm của tâm hồn, để thoát ra bao ý vị muôn trùng diệu lạc.

Du thuyền hải đảo phải đâu chỉ thoáng chốc thời gian, mà chính là sự quán chiếu từng phút giây hiện tại, biết nhận diện nơi chính mình, năng lực ý thức giác ngộ của mình cũng chính là năng lực của Tam bảo. trở về nương tựa từng niệm tinh giác trong mỗi phút giây, là biết trở về với hải đảo tự thân, Đức Phật dạy :

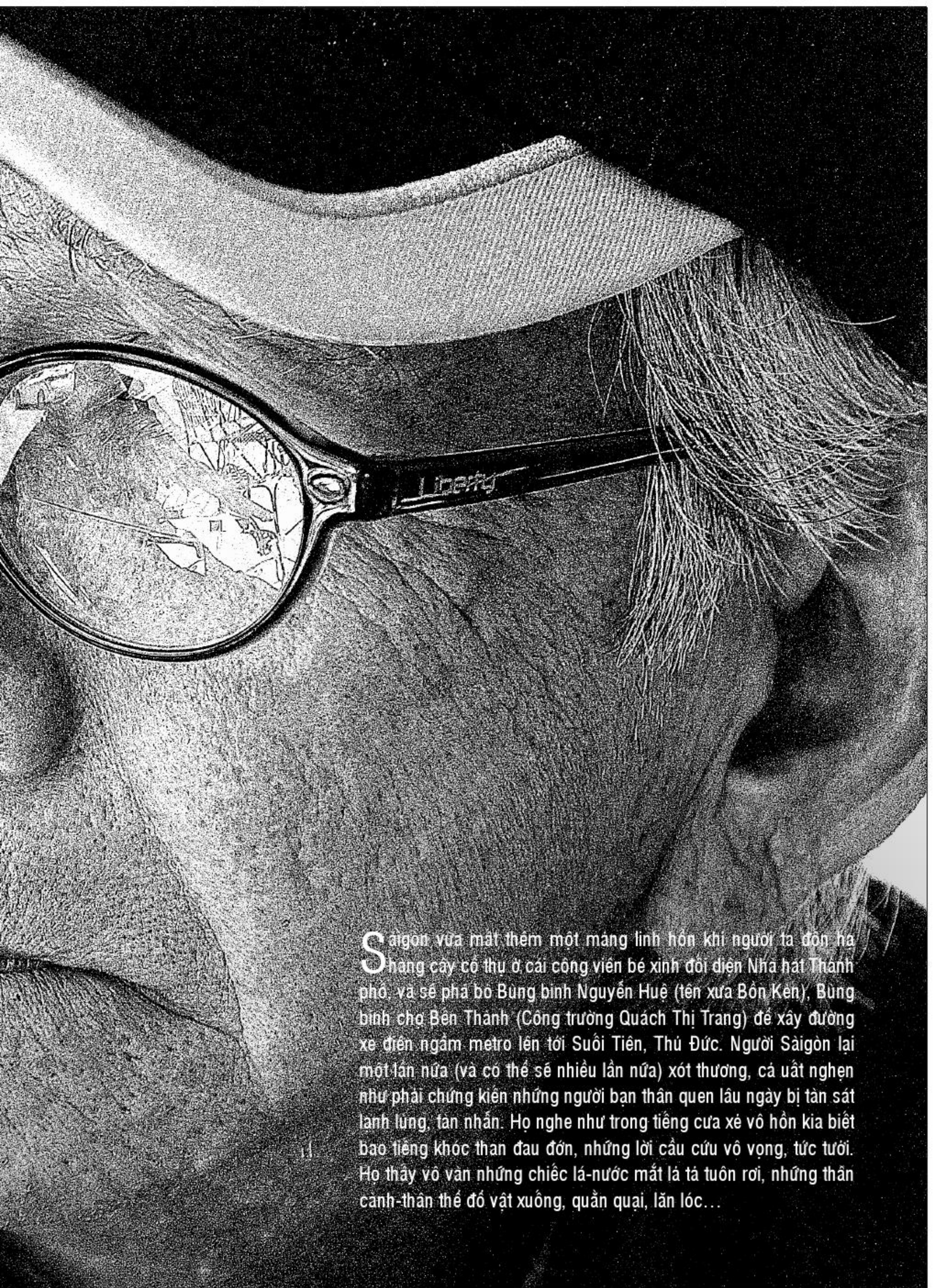
“Háy tự làm hòn đảo
Tinh cần gấp, sáng suốt
Trừ cầu uế, thanh tịnh
Không trở lại sanh già.” PC.238.

(Còn tiếp)



HỒN PHÁCH SÀI GÒN GIỜ NƠI NAO?

VÔ NGÂN SÔNG



Saigon vừa mất thêm một mảng linh hồn khi người ta đốn hạ hàng cây cổ thụ ở cái công viên bé xinh đời đời Nha hạt Thành phố, và sẽ phá bỏ Bung binh Nguyễn Huệ (tên xưa Bôn Ken), Bung binh chợ Bến Thành (Công trường Quách Thị Trang) để xây đường xe điện ngầm metro lên tới Suối Tiên, Thủ Đức. Người Sài Gòn lại một lần nữa (và có thể sẽ nhiều lần nữa) xót thương, că uất ghen như phải chứng kiến những người bạn thân quen lâu ngày bị tàn sát lạnh lùng, tàn nhẫn. Họ nghe như trong tiếng cửa xe vô hồn kia biết bao tiếng khóc than đau đớn, những lời cầu cứu vô vọng, tức tưởi. Họ thấy vô vàn những chiếc lá-nước mắt lá tá tuôn rơi, những thân cành-thân thể đổ vật xuống, quằn quại, lằn lóc...



Hình: **TUẤN KHANH**

Vâng, cả những bài viết như của Tuấn Khanh (trong Tuấn Khanh's blog) đọc tới đâu đau tới đó, lặng lẽ, sứt sùi... Cả những email của người thân, của bạn bè gởi cho nhau từ Sài Gòn cũng có tiếng phẫn uất lẫn tiếng nấc. Có gì đâu mà ồn á thế? mà sứt mướt thế? “Đao phủ văn hóa” kênh kiệu la rầy. Chi là mấy cái cây, mấy đồng đá... thôi mà. Ở đâu chẳng có những thứ ấy!

Dạ, thưa không ạ! Những cây đó, đá đó vô tri nhưng có linh hồn như người Sài Gòn chúng tôi vậy. Những linh hồn đã sống hơn trăm năm nay rồi, ở chính chỗ này, chỗ trung tâm này, ở ngay trái tim của thành phố này. Những linh hồn này đã chứng kiến, đã chia sẻ, thấu cảm với bao nhiêu đời người, bao nhiêu thăng trầm dâu bể lớp lớp qua đây. Đời cây, đời đá...

dài một hai, hay nhiều trăm năm. Đời người Sài Gòn cũng lắm trăm năm hiếm; nhưng nhìn ngắm, lắng nghe, thương yêu hàng cây, bờ đá, hay góc phố, ngõ hẻm, mái nhà, con đường... đầy dấu tích thời gian này họ đã được trao tặng một ký ức dài hơn đời mình, nhờ vậy họ sống dài hơn, giàu có hơn, đẹp đẽ hơn chính đời mình. Họ vậy đó. Như khi trẻ thơ, đêm trăng sáng gồi đầu lên tay ông, bà nghe ông, bà kể những chuyện xa lắc xa lơ của ông, bà cô, có khi của ông, bà sơ nữa... Lớn lên, nhớ lại, bất giác ngất ngây sung sướng; chao! hình như ta đã sống qua những thời buổi của ông bà, tổ tiên vậy. Cũng như khi ta hơi trọng tuổi, một ngày nọ con ta mừng rỡ báo tin đã mang thai cháu nội, hay cháu ngoại, bỗng dưng ta trào nước mắt nghĩ tới cái sinh linh bé bỏng kia rồi đây sẽ mang sự sống

của ta, ký ức, hồn phách của ta vào cõi người một hai trăm năm tới Ta sống vài mươi năm, nhưng không chỉ bấy nhiêu! Sống, đâu chỉ là thân xác; sống, còn là hồn phách nữa!

Sài Gòn, nay chẳng còn như xưa, và Sài Gòn mai sau chẳng còn như hôm nay. Đao phủ văn hóa nếu cứ thay nhau mà hạ thủ, thì Sài Gòn có thể thật. Và không còn gì để nói nữa. Nhưng Sài Gòn sẽ chẳng là gì cả nếu không có Người Sài Gòn. Chính là vì có Người Sài Gòn mà Sài Gòn vẫn cứ là Sài Gòn, dù hôm nay khác ngày xưa và ngày sau khác hôm nay. Người Sài Gòn là Hồn Phách của Sài Gòn. Hồn Phách ấy, dâu bể đảo điên mấy mươi năm nay rồi, nay còn hay mất, hay đá tứ tán, xiêu lạc góc biển chân trời xa gần nào vậy?

Trúc, cô bạn rất trẻ của tôi. Một buổi tối, chúng tôi ngồi cà phê via hè gió thốc khu phố Italia ở San Francisco. Chuyện trò lan man: Trúc kể khoảng 10 tuổi, trôi giạt cùng mẹ lên Sài Gòn, lang thang kiếm sống, tá túc nhiều nơi, rồi tìm đường vượt biên... Tôi kể năm 7 tuổi cũng chạy loạn tới sông luôn ở Sài Gòn. Sông nhiều nơi, Nancy, Chợ Quán, Trường đua Phú Thọ, Háng rượu Bình Tây, Xóm Chiêu, Cầu Bông, Thị Nghè, Bà Queo, Cầu Ông Lãnh... Mỗi nơi vài ba kỷ niệm về nhà cửa phố xá chợ búa hàng quán...; chuyện đi học, đi chơi, chuyện bạn bè, tình cảm... nhớ đâu kể đó. Từ tuổi nhỏ đến lúc trưởng thành, lấy vợ, sinh con... Chuyện quán quanh của một người sông ở Sài Gòn từ bé. Đột nhiên, cô bạn trẻ cầm tay tôi: “Em thích sông như thời các anh quá. Sông như người Sài Gòn...”. “Nhưng em có biết gì nhiều về Sài Gòn đâu!”. “Thì... anh đã kể, em cảm được.” Cô bạn kém tôi quá nhiều về tuổi đời sao lại có thể cảm được về Sài Gòn? mấy lần gặp sau đó, tôi phải làm quà cho cô bạn trẻ những “chuyện Sài Gòn” theo cô yêu cầu. Tôi tin cô cảm được Sài Gòn. Cái gì khiến cô gái quá trẻ ấy phải lòng Sài Gòn? Phải

chăng những chuyện lan man của tôi về Sài Gòn đã truyền đến cô ít nhiều cái hồn phách Sài Gòn?

Nguyễn Nguyên, một bạn vong niên, lớn tuổi hơn tôi nhiều. Gốc Hải Hậu, Nam Định, anh di cư 1954 vào sông ở Sài Gòn. Là người quảng giao, anh quen và chơi với nhiều dân Sài Gòn, từ thượng lưu trí thức tới bình dân, đủ hạng. Biết nhiều, đủ thứ, qua sông, trải nghiệm và qua nhiều sách cú về Sài Gòn. Yêu Sài Gòn từ chút biên chuyển hết sức mong manh của thời tiết. Anh thường về chơi nhà cha mẹ tôi (sau 1975 hồi hương) ở Bến Lức. Đêm thường bắt vóng cạnh cha tôi, cạnh bờ kinh Xáng Lớn, “chú Bảy kể chuyện đời, chuyện Sài Gòn nghe chơi, chú!”. Cha tôi kể, khơi khơi cho vui, cũng đủ thứ chuyện từ năm ông 14 tuổi “đi giang hồ” tứ xứ. Anh cũng vui miệng góp chuyện, chuyện Sài Gòn. Có lần, anh nói với tôi: “Chú Bảy ít học, mà sao lịch lăm lạ. Đúng là biết sông, và sông lâu ở Sài Gòn”. Còn cha tôi, có lần cũng nhận xét về ông bạn gia của thằng con trai: “Cha này Bắc kỳ rất, mà không ta đây ké cá, chịu chơi, biết người biết ta, như dân Sài Gòn gốc vậy!” Anh mê nhất chuyện

về dân thương hồ cha tôi kể. Đêm nào cũng nằm vóng nghe tiếng máy tàu ghe xuôi ngược, để đắm hồn trong ký vãng xa xăm. Anh mất khi tôi đã ra sông ở Hoa Kỳ. Về thăm, đột cho anh nén nhang muôn, tôi nghe Trân, con trai anh nói: “Bố dặn chúng cháu rải tro cốt xuống sông Sài Gòn.” Sinh thời, năm nào anh cũng dành dụm tiền mang về quê gốc, khi sửa sang nhà thờ tộc họ, khi tu bổ đình làng, khi đắp lại con đường quê... Anh mang hồn phách Sài Gòn và muôn mái mái ở trong sông nước Sài Gòn, đi với dân thương hồ thừa nọ.

Tôi viết những dòng này ở nơi mang tên Little Saigon - Tiểu Sài Gòn, nước Mỹ. Sài Gòn này có giữ được trong nó hồn phách Sài Gòn đã vội vớ mang theo? Nếu có thì nhiều ít, thế nào?... Song đây lại là một câu chuyện khác.

VÕ NGÀN SÔNG

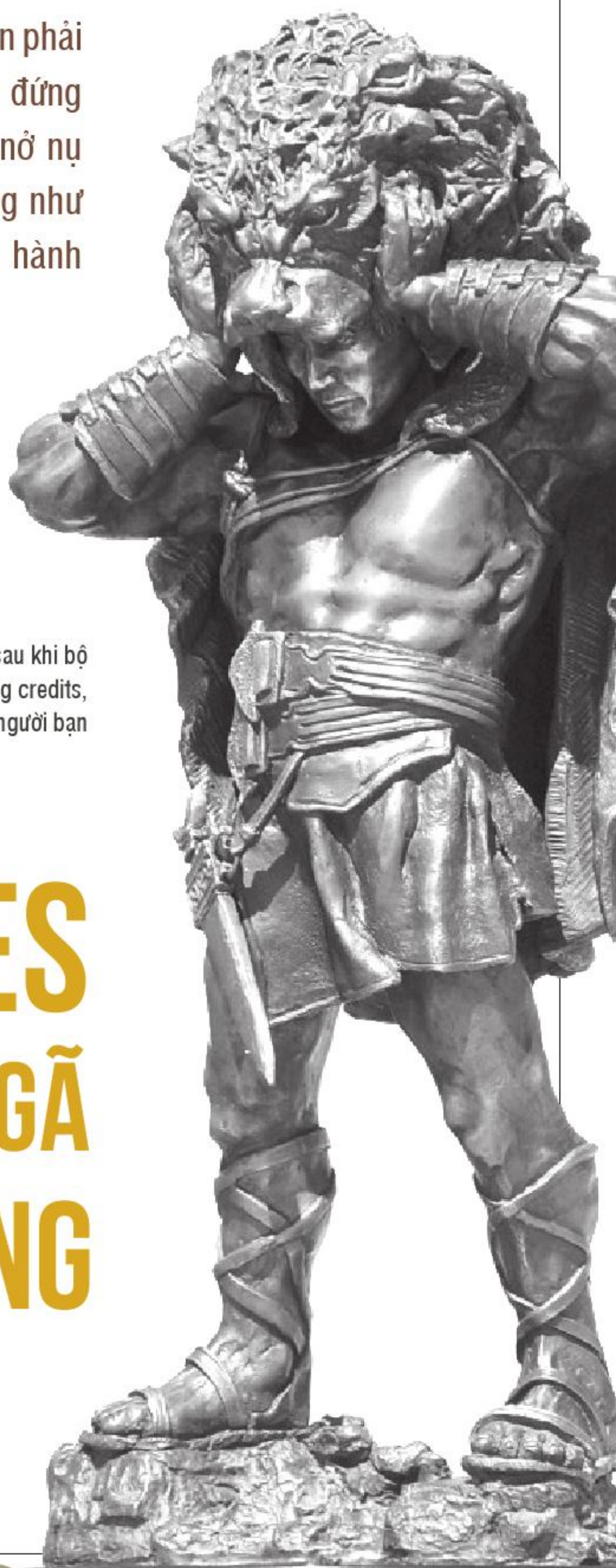
Tháng 7- 2014

Rất nhiều người trong chúng ta cần phải tự là Hercules của đời mình, tự đứng dậy rũ bỏ, tự xô ngã, để có thể nở nụ cười và lấy lại hơi thở bình thường như mọi con người đúng nghĩa trên hành tinh này.

Nói ra thì chẳng có chút liên quan nào, nhưng sau khi bộ phim Hercules 2014 chấm dứt với những dòng credits, bước ra khỏi rạp mà tôi cứ lan man nhớ về những người bạn Đại Hàn đầy nhiệt tình một thời của mình.

HERCULES VÀ CÚ ĐẨY NGÃ THẦN TƯỢNG

TUẤN KHANH



Câu chuyện về huyền thoại một á thần của diễn viên Dwayne Johnson (The Rock) tự đứng ngang xương gó cửa ký ức, kéo về trong suy nghĩ nhiều điều thật thú vị. Con người từ thuở khai thiên lập địa, không ít người ôm giấc mơ mình đứng trên đồng loại, muốn mình là huyền thoại của bao người. Hercules cũng không khác gì con người phàm tục, cũng hánh diện về các chiến công của mình – mà người xem phim cũng mơ hồ không biết là do sự thần kỳ từ giọt máu của Zeus hay do tài truyền thông – tuyên truyền của người kể chuyện lừng danh thành Athens là Iolaus.

Thời còn đi học, tôi luôn được thầy cô kể về các huyền thoại hay chiến công của các lãnh tụ Cộng sản thế giới trong các giờ chính trị. Khó mà biết ai trong số đó là những Iolaus thật sự, luôn hân hoan ngợi ca chiến công của huyền thoại của nhân dân, hay chỉ là những người miễn cưỡng phải truyền đi những thông điệp để xây dựng các á thần Cộng sản như vậy. Thầy kể Fidel Castro hùng biện và chiến thắng trước phiên tòa kết án mình, cô kể Kim Nhật Thành lãnh đạo đoàn quân anh hùng chống cả bọn nguy quyền Đại Hàn và đế quốc Mỹ, Mao Trạch Đông lãnh đạo đoàn quân đối rách trường chinh chiến thắng kẻ thù lớn mạnh gấp ngàn lần mình... Còn rất nhiều những câu chuyện như vậy về các á thần Marxist đã được rao giảng khắp thế giới.

Nhưng chẳng ai nói về sự thật cuối cùng, nên tôi phải tự tìm hiểu để biết rằng Fidel Castro sau khi nắm quyền đã tước đoạt quyền được hùng biện về tự do của hàng triệu người Cuba, Kim Nhật Thành dựng

nên một triều đại khát máu và dòng họ được đời đời cai trị trong hiến pháp, Mao Trạch Đông thì không những trường chinh thành công, mà còn tiếp tục cày nát lịch sử, nhân tính và văn hoá của nước Trung Hoa vĩ đại. Cũng như Hercules luôn rực rỡ là một anh hùng chính nghĩa với trẻ con, nhưng sự thật thì có lúc anh cũng chỉ là một kẻ đi săn tiền thưởng.

Thời sinh viên, tôi được tiếp xúc khá nhiều với các sinh viên Hàn Quốc đầu tiên đến Việt Nam sau ngày mở cửa, dứt cấm vận. J, là một trong những nữ sinh viên Hàn Quốc xinh đẹp và nhiệt tình với đất nước của cô. Yêu xã hội chủ nghĩa và muốn thống nhất đất nước, J, xuống đường tranh đấu, tấn công cảnh sát Nam Hàn và bị truy nã, phải bỏ ra nước ngoài trốn. J, nói cô chọn đến Việt Nam vì nơi đây là mô hình xã hội chủ nghĩa mà cô nghĩ là gần với Bắc Hàn, nơi cô yêu thích.

Thật khó hiểu khi nghe J, nói về những điều đó, nhất là khi nghe cô ca ngợi Kim Nhật Thành, Kim Chính Nhật như những á thần. Tôi đã dành nhiều buổi tối ở quán cafe để tranh cãi với J, và mọi sự kết thúc khi J, nghiêm khắc nói với tôi rằng “K, không thể hiểu được đất nước tôi và chủ nghĩa xã hội ở Bắc Hàn. Tôi không muốn tranh cãi và chỉ muốn thống nhất đất nước với Bắc Hàn”.

Tôi vứt sách vở, xô ngã mọi lý thuyết mà mình có được, để đi tìm những người bạn Hàn Quốc thân Cộng khác, để tìm hiểu thêm trong bàng hoàng. H, một người bạn Hàn Quốc cũng từng bị truy nã vì đi biểu tình chống cảnh sát, đòi thống nhất với Bắc Hàn. H, cũng nói về một

giấc mơ xã hội chủ nghĩa và ca ngợi Kim Nhật Thành. Tất cả những người bạn Hàn Quốc đó đều bị tuyên truyền, bị mê hoặc về huyền thoại chủ nghĩa Cộng sản Triều Tiên. Thật mỉa mai và đáng ngạc nhiên, đôi khi 12 chiến tích của Hercules chỉ sự thật vĩ đại qua lời khoa trương của Iolaus. Và những á thần Cộng sản chỉ thật sự lập lánh khi được phủ bằng nước bọt và sự dối trá huyền ảo ngày qua ngày mà thôi.

Trong một chiến tích đem về cho thành Athens, người hùng Hercules nhận được một lời nhắc nhở từ vua Eurystheus, một kẻ ác thông thái, rằng “chìm trong sự suy tôn, bất kỳ ai cũng không thể cưỡng nổi được sự cám dỗ của việc tự cho mình là thần thánh”. Ai trong các á thần của chúng ta đã từng nhận ra điều này? Chắc là không, vì kiêu ngạo và điên rồ là điểm dễ nhận ra nhất ở các “á thần” của chúng ta ngày nay. Chỉ có nhân dân là nhìn thấy và lặng lẽ theo dõi các câu chuyện cổ tích để chờ ngày nhìn thấy các huyền thoại ấy sụp đổ – có thể trong im lặng, hoặc có thể trong sự thôi nát lan toả đến tận chân trời.

Nhiều năm sau, khi mọi thứ sáng dần. Khi cả thế giới nhìn thấy móng vuốt từ các tượng đài và viết vào sách giáo khoa về chủ nghĩa Cộng sản Đông Âu hay Mao lý thuyết như một thứ tội ác của loài người, tôi gặp lại J, và cả H, – những người bạn Hàn Quốc nhiệt tình của mình. Người thì làm trong ngành quảng cáo, người thì đi làm phiên dịch cho các công ty Hàn Quốc ở Việt Nam. Dĩ nhiên, chúng tôi không nhắc lại nhiều về niềm hánh diện tranh đấu cho xã hội chủ nghĩa của họ hay về

các thần tượng họ Kim, vốn đã từng làm rã nát tình bạn của chúng tôi. Nhưng tôi biết tự họ, nếu không tự mình lật đổ những tượng đài ảo tưởng ấy, cởi bỏ thứ đá cống trên lưng mình và dân tộc mình, thì chắc họ đã không thể sống nhẹ nhàng đến tận hôm nay. Cứng chẳng ai trong trong chúng tôi nhắc về các cuộc biểu tình đánh nhau giữa sinh viên Hàn Quốc với cảnh sát để đòi thông nhất với Bắc Hàn, vì nếu có nói, chắc chỉ là một câu chuyện cười để nuột trôi bữa tôi, nuột trôi những phi đạn và lời đe dọa từ phía Bắc vẫn gửi qua Bàn Môn Điểm mỗi tháng, lúc này.

Nữ thần Hera, người đưa ra các lời nguyên buộc Hercules phải vượt qua, trong đó, ẩn giấu việc anh phải lật đổ nỗi sợ hãi, lật đổ cả huyền thoại trấn áp cả đời anh, chỉ để hoàn thiện sứ mệnh được làm người, với sự yên ổn trong tâm hồn. Để chặn đứng đoàn quân Thrace của vua Cotys, Hercules đã lật đổ tượng đài vĩ đại của nữ thần Hera giữa cuộc đời thật, lẫn trong lòng mình.

Những người bạn Hàn Quốc của tôi giờ chắc đã thanh thản. Họ cũng đã tự lật đổ các tượng đài, những lăng, đền giả dối bị nhồi nhét trong đời mình. Bức tranh các á thần Marxist, Maoist... đã lộ ra nanh vuốt và đấm máu loài người trong nụ cười và bàn tay vẫy chào thân ái của họ. Và không phải riêng họ, có lẽ rất nhiều người trong chúng ta cần phải tự là Hercules của đời mình, tự đứng dậy rũ bỏ, tự xô ngã, để có thể nở nụ cười và lấy lại hơi thở bình thường như mọi con người đứng nghĩa trên hành tinh này.

TUẤN KHANH

VẬT QUÝ

ĐÌNH NGUYỄN

Ông bắt đầu ngắm soi thật kỹ vật đó. Ông ngắm nó từ xa rồi mới đưa lại gần, rồi lại đưa ra xa. Mọi góc độ đều được ông cẩn thận xem xét. Đối với ông, đó là vật có linh hồn. Chắc hẳn vật đó phải có linh hồn thì

mới có sức quyến rũ ông như thế. Với ông, bây giờ nó không thể rời ông ra được, dù là nửa phút. Khi ông ngủ thì nó nằm ngay bên cạnh, sát đầu giường, trên chiếc kệ nhỏ.



Ngày có nó, ông vui mừng đến nỗi quên hết mọi chuyện. Vài ngày sau ông mới bắt đầu trở lại với những trình tự và công việc bất di dịch hàng ngày của mình. Thường lệ vào buổi sáng, ông dậy sớm, sau khi vệ sinh ông nấu nước pha một bình trà. Trong khi chờ nước sôi, ông bước ra khoảng sân nhỏ trước nhà mua một bài quyền Thái cực. Khi động tác cuối cùng của bài quyền chấm dứt thì nước cũng vừa sôi. Ông nhắc mình thu quyền lại và thở ra một hơi dài trước khi bước vào nhà trở lại.

Tâm thế tĩnh tại, hơi thở điều hòa, phong cách ung dung, ông ngồi nhâm nhi trà độc ẩm. Không có chuyện gì có thể làm ông xao động được cả, bao nhiêu năm rồi, vẫn thế. Ông gần như đã thoát hẳn cái thế giới

xô bồ, tranh đấu nhập nhằng này.

Nhưng giờ đây, mọi chuyện đã đổi khác. Nó đã đi vào cuộc đời ông, ngọt như một lưỡi gươm cực bén, chỉ một nhát mà xuyên thấu tận tâm hồn. Nó đưa ông vào những khung trời xanh ngắt, có cỏ mượt, gió lành và lời thầm thì khe khẽ ngọt ngào bên tai. Nó ru ông mơ màng giấc ngủ. Nó chở che ông. Cho dù ông rất mạnh mẽ nhưng cũng luôn cảm thấy yên lòng mọi lúc với nó bên cạnh. Có nó, không gian kia cho dù mờ ảo mây cũng sáng rực lên kỳ lạ.

Ông chăm chút, cẩn thận lau chùi nó thật kỹ, thật sáng bóng. Nó có hai phần đối xứng nhau nhưng sự hòa

hợp của hai phần ấy qua chỗ nối thì rất tuyệt vời. Có thể nói ai đó đã quá khéo léo và thật tinh xảo khi làm điều ấy. Ông cùng nó hân hoan liên lạc với thế giới chung quanh, cùng nhìn ngắm mọi thứ thật thú vị, tinh anh. Ông hạnh phúc lắm, từ khi có nó.

Nó là... tâm hồn của ông, là niềm hân hoan vui sướng của ông. Nó là một phần thân thể ông bây giờ. Ông sử dụng nó một cách hoàn hảo y như cách nó được làm ra để cho ông, chính ông chứ không ai khác. Thật khớp và hoàn mỹ lạ lùng.

Hương vị thật sự của đời sống dường như mới bắt đầu có từ khi ông có nó. Ông chưa hề mặc cảm hay ngại



ngừng bất cứ điều gì lúc chưa có nó. Nhưng giờ đây, có nó, ông như một người khác hẳn, đã trở nên uy nghi, đúng mảnh hơn trước. Thông minh sáng suốt lại càng phương phi, tỏa sáng trí tuệ hơn. Ung dung từ tốn lại càng hòa nhã, trang nghiêm hơn.

Nó thật sự kỳ lạ và diệu kỳ. Ông với nó thật hòa hợp trăm bề. Nhưng...

Ngày lại qua ngày, tuần đã qua tuần, tháng rồi năm cũng đã trôi qua. Ông bắt đầu nảy sinh một cảm giác thật kỳ quặc mỗi lần nhìn nó và ý muốn mang nó theo người đang bị một ý chí chôi từ xuất hiện. Ông điềm tính phân vân. Những niềm hân hoan, vui sướng ban đầu từ từ phai nhạt.

Ông luôn quay về với quá khứ và tuổi thơ của mình trong hoài niệm hánh diện và hoàn toàn không có chút gợn đục nào bởi lòng căm hận hay thù oán. Đáng lý ra ông phải căm ghét cái xã hội này. Đáng lý ra ông phải thù hận ngay chính sự hiện hữu của ông trong thế giới này. Ông không làm điều đó.

Có thể nói nhờ vào phép màu mà ông đã vượt qua được quãng đời niên thiếu và trưởng thành. Đối diện với ông, ban đầu người ta sẽ sợ hãi. Ông quen với điều đó, quen với sự cô đơn và cũng quen với sự tự tại. Nhưng rồi thì mọi người đều phải kính nể và thán phục ông. Nhân cách và sự hiểu biết của ông không chê vào đâu được. Khi tiếp xúc với ông, người ta luôn luôn nhận ra nơi ông sự từ ái cùng kiên thức lẫn tài năng đáng trọng.

Một người học trò nhỏ của ông, nay đã thành danh, thương quý ông như cha đẻ. Anh ấy đi ra nước ngoài học tập và sau nhiều năm nghiên cứu

khoa học thành công đã mang vật quý đó về tặng ông. Với ông và với tất cả mọi người đó là một báu vật. Nó là duy nhất trên đời này và vô cùng quý vì ngoài vẻ đẹp hoàn hảo nó còn mang theo cả một tâm chân tình đáng trân trọng. Đó là lòng biết ơn vô hạn của người con, người trò nhỏ dâng tặng cho thầy.

Ông đã nhận nó, ưu ái lẫn hân hoan và nó đã là của ông, một bước không rời. Nhưng giờ đây ông đang muốn quăng nó đi, tiêu hủy nó, không bao giờ nhìn thấy nó nữa. Ánh nắng vàng nhạt của một ngày mới ulla vào không gian tươi tắn trong lành. Ông ung dung thưởng trà và lấy vật đó ra, gói lại. Ông đã sống một quãng đời đáng sống. Ông thụ nhận tinh khôi từng chút rung động khê khàng trong vũ trụ quanh mình mỗi giây phút trôi qua. Tâm hồn ông là một tấm gương không thể vẩn đục bao giờ. Vật quý kia, giờ đang nằm trong bao, kín mít.

Ngay khi mới sinh ra, ông đã bị mọi người chung quanh chán ghét và sợ hãi. Ông không có khuôn mặt như người bình thường. Mặt ông xấu kinh dị. Đối diện ông, người ta sẽ tha hồ mà tưởng tượng mọi thứ ghê gớm nhất và đa số đều muốn xa lánh. Chỉ có tình thương yêu của cha mẹ và những người thân mới vực ông đi qua quãng đời dài gai góc và vũng vằng cho tới bây giờ. Bù lại, giọng nói của ông trầm âm và uy lực. Ánh mắt ông trong sáng và thần thái uy nghiêm, trí thông minh tuyệt đỉnh. Bằng nỗ lực vô biên và kỳ diệu, ông đã trở thành một học giả uyên bác kiêm một võ sư đầy tài năng và đức độ.

Cuộc đời đã quăng quật, bao lần nhấn chìm ông xuống nhưng cuối cùng rồi cũng phải ngá múi kính phục ông. Lòng vị tha, nhân ái vô bờ đối với con

người và sự bao dung vô lượng cùng tài năng vượt trội của ông đã đứng thẳng lên để mà cứu giúp biết bao người. Trái tim nhân hậu cùng đôi tay khéo léo của ông với ý chí siêu phàm chỉ giúp kẻ khác mà không thể giúp ông có một gương mặt bình thường như họ được. Ông khao khát và mơ ước điều đó. Đã kinh qua bao sóng gió và trải nghiệm với đời, ý chí vươn lên mãnh liệt với tài năng bẩm sinh đã tôi luyện ông thành một con người trầm tính gần như tuyệt đối. Nhưng rốt cuộc điểm yếu của ông thường phơi bày hiển lộ ra trước mắt mọi người vẫn là nỗi đau bóng rât.

Khi nhận được vật quý đó từ tay người học trò mang đến ông vui lắm. Dù đã gạt bỏ mọi cảm xúc thường tình do công phu luyện tập dày dặn và tôi luyện bằng chính sự hắt hủi của xã hội hàng ngày, nhưng ông đã chớm rơi lệ. Như đã nói, nó là nhát gươm xuyên suốt từ ngoài vào tận cùng sâu kín tâm hồn ông. Ông trói chặt và nhốt cứng sự yếu mềm của mình đã bấy lâu nay nhưng khi ông cầm trên tay vật quý, các cánh cổng đó đã tự động mở toang! Vật đó quá hoàn hảo và không ai có thể thấy được tí vết nào cả.

Ông cùng người học trò yêu quý ra ngồi bên bờ sông. Hai thầy trò nhìn sóng nước bênh bồng lắt lay trong gió chiều hiu nhẹ. Cậu học trò, là nhà khoa học, người bỏ tâm huyết bao năm, khổ công để tìm ra được vật quý ấy mang về dâng tặng thầy, đang cùng ông ngồi im lặng. Không ai cất lên lời nào. Họ hân hoan và đang trái lòng ra cùng quay về buổi đầu tiên gặp gỡ. Lòng ngưỡng mộ và kính trọng thầy vẫn y như thế dù qua bao năm tháng trong lòng trò. Sự từ ái, bao dung cùng nhân cách lớn của thầy vẫn rung động trái tim của



Hình: **GIANG DƯ ĐÔNG**

bao kẻ chung quanh. Họ bình thản nhìn vật quý trôi xa, trôi xa, xa hơn và chìm trong lòng sông, mất hút. Gió chiều vẫn hiu nhẹ, thổi mát hai tâm hồn nhẹ bẫng. Riêng ông, ông đã sống trong đau khổ vì không có khuôn mặt hàng bao năm dài và bây giờ ông bình thản tiếp tục sống, thật an nhiên, vui sướng.

Họ quay về, không một chút tiếc nuối gì về chiếc mặt nạ giống y như gương mặt thật, bằng chất liệu tuyệt vời có màu thật như da người, hoàn hảo, cực kỳ hiếm có.

ĐÌNH NGUYỄN

11-07-2014

NHỮNG ĐIỀU GHI ĐƯỢC TỪ MÙA THU

chú đến chùa xin ban đêm được vào chùa để tụng kinh niệm Phật. Chú Năm nhờ tôi chép kinh cho chú trong tập vở học trò. Cách học của chú là cứ nhờ tôi đọc lên một câu, rồi chú cứ lẩm nhẩm câu đó trong miệng cho đến khi thuộc thì nhờ đọc câu khác. Cứ như vậy, chỉ đầu chừng hai năm, chú không những đã thuộc cả hai thời công phu, mà còn cả Phổ Môn và Hồng Danh nữa.

Vì nhà nghèo, chú Năm phải làm lụng vất vả suốt ngày, có khi thì đi mót lúa, có khi phải vào núi để kiếm củi mang về. Vậy mà trong số những người vào chùa chú Năm là người siêng nhất, chú tự nguyện đóng chuông buổi tối

và khuya. Có những buổi khuya ngủ quên hết, một mình chú thức dậy mò mẫm lên thắp hương, đóng chuông xong thì tụng kinh cho đến gần sáng.

Nhưng tiếng tụng kinh của chú Năm tôi nghe sao giống cuộc đời của chúa quá! Nhiều khi trong những đêm khuya nghe giọng chú cất lên, tôi có cảm giác như chú đã gởi trọn tâm lòng mình vào tiếng kinh lời kệ như tiếng than dài náo ruột mà chú đang âm thầm mò mẫm bước đi vậy.

Những năm tháng ở trong chùa, sư chú tôi vẫn thường kể lại cuộc đời của cha tôi cho tôi nghe. Dù là kể cho tôi, nhưng trong khi kể tôi vẫn

nhận ra một chút thương tiếc ngậm ngùi của sư chú về người anh mệnh yếu của mình. Đại khái cha tôi cũng chỉ là một người nông dân bình thường, nhưng theo sư chú thì cha tôi rất khoẻ mạnh và giỏi võ, nên mỗi khi lên núi đốn củi cha tôi đều xuống núi trước những người khác mặc dù cùng lên núi một lần.

Vì được nghe kể hoài như vậy, nên những chiều một mình trong chùa, tôi mới hay ra đứng gần mộ cha để nhìn lên dãy núi cao sau chùa, rồi cứ thắc mắc không biết khi đi đốn củi cha tôi có leo lên ngồi nghỉ mệt nơi hòn đá bên đường mòn kia không? Hay khi đứng nhìn một cây cổ thụ, tôi cũng cứ thắc mắc là khi còn sống cha tôi có đứng nhìn cây như tôi đang nhìn đây không?

Tôi không ngờ, chính nhờ người cha mà tôi chưa hề một lần gặp mặt này, đã đưa tâm hồn tôi đến gần với núi non. Và dường như cũng đã cảm nhận, dù rất mơ hồ một cái đẹp hùng vĩ của núi non? Tôi thuộc gần như nằm lòng từng hòn đá, từng gốc cây, từng con suối trên lối mòn đi lên núi. Tôi lại còn nhớ rõ tiếng hót của các loài chim nữa, như mùa xuân thì có tu hú gọi bầy, tháng tư tháng năm thì cu cườm từ đâu bay đến, tiếng gáy của chúng nghe xa vắng làm sao trong những buổi trưa hè tĩnh mịch. Đầu tháng 7 thì từng đàn kết buổi sáng bay vào núi ăn trái sim, buổi chiều lại bay về trong nắng thu dịu dịu. Rồi tháng 9 tháng 10 đến, tiếng con man từ trong núi vọng ra. Tôi nghe dân làng nói rằng hễ năm nào có man về kêu thì năm đó làng có người chết hoặc tai nạn xảy đến. Vậy nên ai trong làng ai cũng cầu mong mùa đông sang năm man đừng về nữa. Nhờ những năm tháng tuổi thơ sống với núi non như vậy nên tôi có thể

lánh hội được dễ dàng những lời sau đây của một người vừa từ đỉnh núi cao nhất trở về:

“... Muốn thấy được sự cao cả của ngọn núi, người ta phải quan sát nó từ xa. Muốn hiểu nó, người ta phải đi chung quanh để rung động với nó. Muốn cảm thông nó, người ta phải sống với nó từ buổi rạng đông đến lúc chiều tà, trong cơn mưa phùn cũng như trời nắng gắt, mùa đông cũng như mùa hè... Khi đó họ sẽ hiểu được rằng những ngọn núi cũng có một đời sống không khác gì đời sống của chúng ta bao nhiêu...”

Tôi vẫn còn nhớ cũng hồi còn ở chùa nơi rặng núi ấy, cứ mỗi lần đến ngày kỵ Tổ thì tôi thường nghe sư chú tôi căn dặn bốn đạo của chùa hãy chuẩn bị đón tiếp “chư sơn”, còn nếu có cuộc họp để bàn Phật sự trong vùng thì gọi là họp “sơn môn”. Cách gọi như vậy ngày nay dường như đã không còn nghe nữa. Nếu có thì cũng chỉ các chùa ở miệt miền quê hẻo lánh mà thôi. Thực ra, ai mà chẳng biết, ít ra là trên mặt chữ nghĩa rằng tên gọi hoặc danh xưng vốn chẳng có nghĩa gì cả:

“What’s in a name? That which we call a rose by any other name would smell as sweet.”

Sá gì trong một danh xưng

Thế mà thiên hạ kẻ mừng người đau

Hoa hồng dù gọi thế nào

Thì hương vị vẫn ngọt ngào xưa nay.

(W. Shakespeare – Đ.N.C. dịch)

Vậy mà bây giờ nơi các chùa ở những thành phố ồn ào náo nhiệt kia, con người cũng ồn ào náo nhiệt theo danh xưng này chức vụ nọ mà quên đi ngọn núi cao trong hồn mình, vốn biểu tượng cho sự đi lên của người xuất gia học đạo.

“... Trong đời sống hàng ngày, tại những đô thị ám khói, dưới vùng đồng bằng chật chội con người hầu như quên đi sự liên hệ giữa họ và vũ trụ, do đó học cần một biểu tượng gì để nhắc nhở, để thúc đẩy họ, để hướng tâm mắt lên cao hơn. Núi đã đóng vai trò này nhưng tiếc rằng vì quá bận rộn với những tham vọng tầm thường, nhỏ mọn của đời sống vật chất, không mấy ai còn cảm nhận được sự giục giã âm thầm, thỉnh thoảng mới có người bất chợt cảm thấy một cái gì thôi thúc họ phải gạt bỏ những hệ lụy của đời sống để tìm đến một cái gì cao đẹp hơn. Họ bắt đầu đặt câu hỏi về ý nghĩa của cuộc sống, và sự liên hệ của họ với thiên nhiên với vũ trụ...”

(Con đường mây trắng – Lama Go-vinda)

Nếu tôi không lầm, thì hầu hết những người mồ côi cha hoặc mẹ, thường rất thích đọc hoặc nghe kể về những cảnh ngộ giống như mình để được an ủi, được vuốt ve cho đỡ bớt tủi thân. Tôi mồ côi cha từ thuở chưa sanh, nhà lại nghèo, nghĩa là chưa một lần biết gì về “tuổi thơ êm đềm” như bao đứa trẻ khác. Thế nhưng tôi chưa hề biết tủi thân là gì, vì tôi vẫn luôn tự nhắc nhở với chính mình rằng:

Chẳng phải nhờ mẹ mà tôi thấy được cái đẹp của dòng sông, để từ đó tôi biết yêu thương cuộc đời này hơn! Còn cha? Chính nhờ những chiều đứng bên mộ cha mà tôi mới thấy được núi cao, để từ đó mới biết ngẩng mặt lên mà nhìn bầu trời cao rộng thay vì phải lầm lúi bước đi dưới mặt đất thấp đen này.

Nha trang, mùa Vu Lan 2545

(tháng 8/ 2001)

THÍCH PHƯỚC AN

AWAKEN

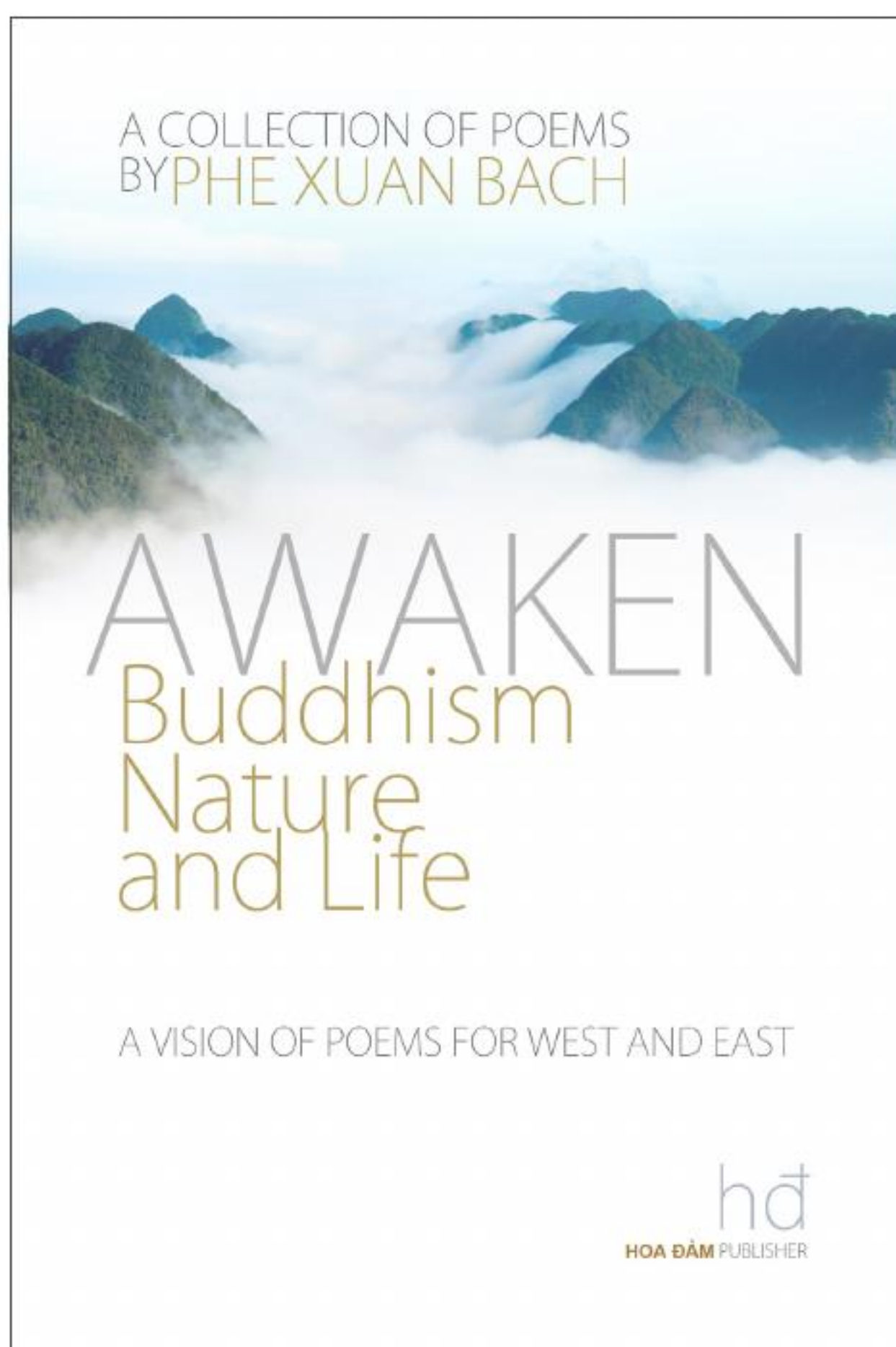
BUDDHISM, NATURE, AND LIFE

A Vision of Poems for West and East

A COLLECTION OF POEMS

BY **PHE XUAN BACH**

THAI VAN NGUYEN, PH.D.



When I was asked by Phe Bach to write a few words to introduce his book of poems *Awaken: Buddhism, Nature, and Life – A Vision of Poems for West and East*, I found myself in some sort of a quandary and had the impression that the

poems were not originally written in English, but translated from a Vietnamese version. I sent Phe Bach an email and asked him if my impression was correct and told him that many a time I had to close my eyes and imagine what the imagery could

have been if a correspondingly selected word had been Vietnamese since the diction in English did not convey the feeling and emotion that I thought the Vietnamese word could have conveyed. Phe revealed to me that most of the poems were in fact written in Vietnamese and some in English and that he only translated them loosely just to get across the main idea. He then sent me the bilingual copy of the book.

I always believe that translation of prose is a very challenging task that requires of the translator the highest linguistic and cultural competences. There often does not exist one-to-one correspondence of word meanings in different languages, especially on the abstract level: a word in one language may have more or fewer semantic features than a supposedly corresponding word in another language and may have a completely different cultural connotation. Translating poems is certainly more demanding and definitely a very daring endeavor unless your desire to share is much stronger than your fear of curtailing the aesthetic values of your poems because what remains in translations is just the bare bones of thoughts not adorned by meter, diction, imagery, rhythm, and rhyme that help to create a mood ambience that induces emotions ultimately culminating in culturally consensual validation of beauty.

In possession of the bilingual copy, I devoured the Vietnamese version where I found meticulous dictions with exoteric poetic imagery and a variety of prosodies befitting different moods. However, at the very same time I found some satisfaction in Phe's Vietnamese version of

the poems, I also suddenly realized that I almost missed the point completely in that I had in the first place attempted to look at his poems from a literary criticism view-point and stereotypically projected an image of what I wanted him to be instead of seeing him as he truly is. Phe did not seem to aspire to be a famous literary figure even though his literary skills leave nothing to be desired. That notwithstanding, his ubiquitous motto is, "Success does not mean being the best, but doing your best." Apparently, he aspires simply to be a worthy human being and is eager to share his vision with others, specifically with youngsters. Rather, he is an idealist in action.

His vision of a worthy human being can be encapsulated in the poem "Thanksgiving for Life" in which I took the liberty to change a few words in English in the hope of being closer to his Vietnamese version and clarifying my observation:

Thank you, mom and dad, for giving me life

And love that is vaster than the immense ocean and longer than the endless river.

Thank you, nature, for giving me so much power of love and beauty:

Flowers, mountains, forests, creeks, dunes of sand, and stars.

Thank you, beloved wife, for giving me your warm lips,

Full of passionate love in togetherness.

Thank you, venerable Master, for showing me the Way

That enlightens me on my arduous journey of samsara.

This vision of a worthy human being is anchored first and foremost in the foundation of self-respect, respect and love for parents, for others, and

for nature and of deep appreciation for life. This sort of respect, love, and appreciation is tempered with Buddhist compassion and Zen existentialism.

With utmost simplicity and transparency of words stripped of all deluded consciousness and judgmental evaluation throughout his poems, he reveals to the world flowers, mountains, birds, butterflies, trees, oceans and stars in their vibrant existence as if they had the breath of life, interacting lively with human beings. Nature and human life, in his poems, are intertwined and mingled harmoniously in an unblemished dance as to testify to the disappearance – in terms of discrimination against other entities -- of human existence into an affirmation of an ontological reality composed of all elements of the universe that is.

With regard to attitude towards life, people tend to reminisce the past, worry about the future, and have no time for the present. Phe's poems assert that all things past are in fact bygones and we cannot practically do anything about the past and the future is yet to come and will come, anyway; and that the only thing that exists and is real is the present. What we can do is take time and enjoy what the world has to offer: nature, love, care, respect, and togetherness in the "here and now."

He nevertheless realizes that life is no rose garden: people lose their lives; parents, their children; and husbands, their wives, in hurricanes, tornadoes, diseases and illness and war, and that his country is still being pestered with hunger, slavery, corruption, and oppression after so

much blood had been spilled and millions of lives lost for hundreds of years; he realizes that we do suffer, that we do cover our eyes in tears with both hands in hopes of alleviating the excruciating pain gnawing at our hearts. Yet, he firmly believes that death is sometimes necessary for life to occur [e.g. "Joy's birthday"] and that it is righteous that we suffer; but if only do we know we have one another, compassion and love will heal the wounds and bridge the gaps caused by all human fallacies.

However, compassion and love do not come naturally. They result from character training, of which the ingredients are endurance, courage, faith, hope, reconciliation, social justice, peace, tolerance, forgiveness, dignity, human rights, and freedom, the very virtues epitomized by Nelson Mandela, whom he admires and believes to be an example for all.

I tend to think that Phe believes that equipped with the wisdom of compassion and acceptance of and respect for other human beings and nature, people can calmly and positively involve themselves in the necessary natural process of birth and rebirth until they become awakened and enlightened. This vision of his, he really likes to share with others, especially with youngsters whom he helps educate.

Philadelphia, May 7, 2014

THAI VAN NGUYEN, PH.D.

GIỚI THIỆU “CHẢY TRÀN HƯ KHÔNG” THƠ HAIKU CỦA HOÀNG LONG

Giáo sư **LƯU ĐỨC TRUNG**

Hoàng Long là cây bút trẻ chuyên viết truyện cực ngắn, có lẽ anh là một trong những người đầu tiên ở nước ta viết nhiều về loại truyện ngắn này. Anh còn là dịch giả nhiều truyện ngắn của các nhà văn nổi tiếng của văn học Nhật như Dazai Osamu, Kawabata Yasunari, Ryu Murakami... Lần này anh lại cho ra mắt một sáng tác mới: thơ haiku.

Thơ haiku là sản phẩm tinh thần độc đáo của Nhật Bản. Trên thế giới không có thể thơ nào ngắn hơn nữa, chỉ một câu với mười bảy âm tiết mà có thể vẽ nên bức tranh bao quát cả vũ trụ. Nó nhỏ bé như một hạt cát, như một bông hoa dại. W. Blake đã nói: “Trong hạt cát ta thấy cả vũ trụ, trong đóa hoa dại ta thấy cả thiên đường”.

Thơ haiku và truyện cực ngắn là đôi bạn đồng hành trên con đường sáng tác của Hoàng Long. Thơ haiku và truyện cực ngắn có chung một đặc trưng là cô đọng, hàm súc, nói ít hiểu nhiều, ý tại ngôn ngoại. Do đó thơ và truyện phải biết gợi mở, giúp người đọc tưởng tượng, suy ngẫm.

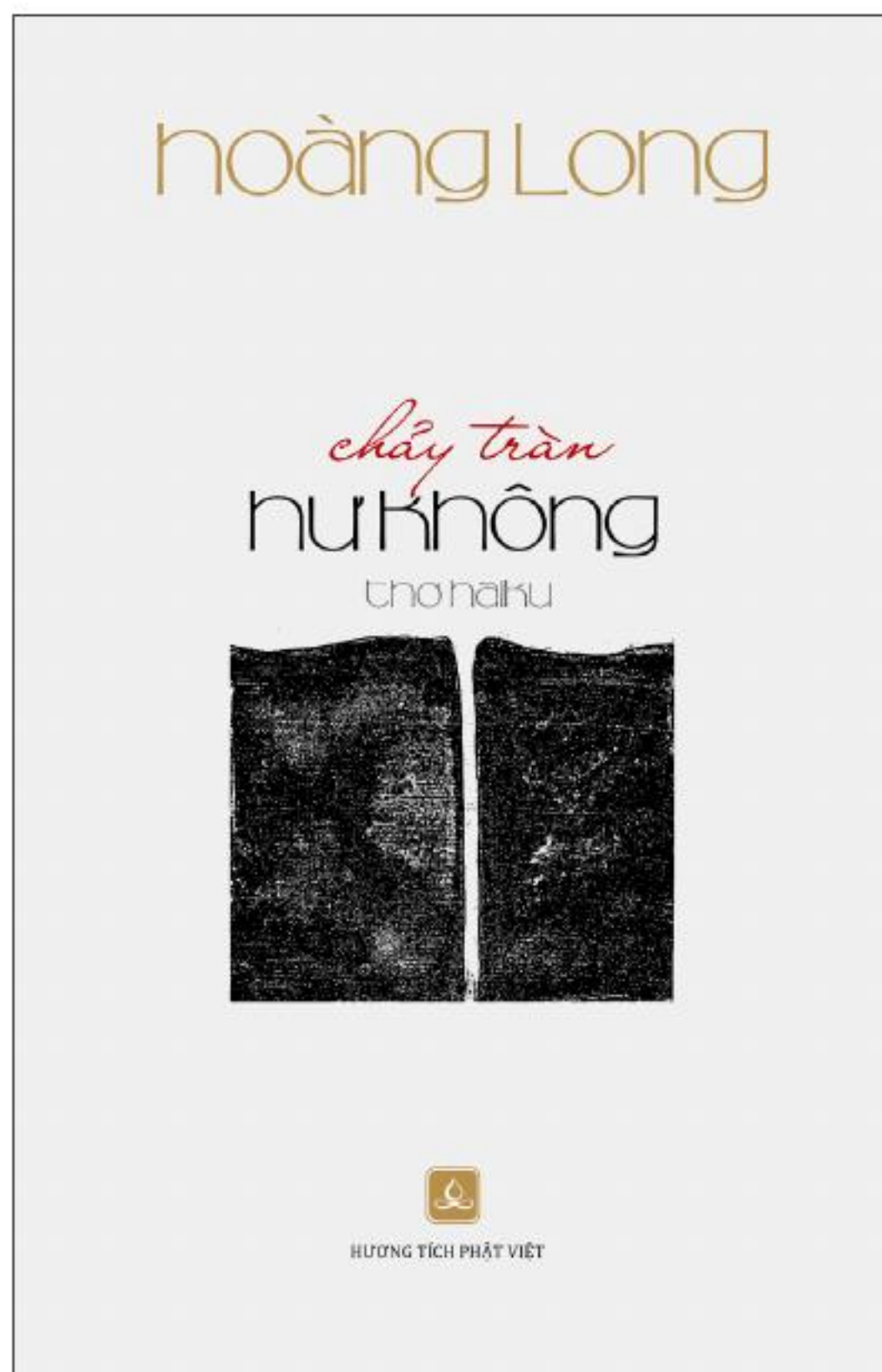
Tưởng tượng sẽ tạo ra năng lượng cảm xúc, nhận thức và sáng tạo. Einstein nhà vật lý trứ danh thế giới cũng từng nói, trí thức rất quan trọng nhưng trí tưởng tượng còn quan trọng hơn; trí tưởng tượng nảy sinh ra ý tưởng, ý tưởng đẻ ra sáng tạo.

Trong tập thơ của mình Hoàng Long đã sáng tạo ra hình tượng vòng tròn, mặt trăng, màu trắng. Chúng đều là biểu tượng của hư không, huyền ảo, trống rỗng, mênh mông. Chúng gợi chúng ta tưởng tượng về tâm hồn Hoàng Long, một con người hiện hữu đang:

*Dốc ngược đời mình
Từ lon bia rỗng
Chảy tràn hư không.*

Đời người, ai cũng cần cái đích để đến. Cái đích mà anh muốn tìm đến có cái chưa làm anh thật hài lòng. Anh cảm thấy cuộc sống có chỗ còn đen tối, còn xám xịt, còn ngăn lệ do vậy trong thơ anh đôi lúc lộ rõ tâm trạng khắc khoải, lẻ loi, trầm mặc, buồn, suy tư:

*Tháng ngày qua
Nhâm nhi niềm ẩn mật
Trong một chén trà.*



Hoàng Long đã mang tâm trạng đó qua mười năm phiêu bạt. Anh đã có những năm tháng lang thang trên quê hương xứ sở của mình và đã có dịp học tập, nghiên cứu trên đất Phù Tang. Thời gian trải nghiệm đó đã giúp anh tìm thấy được những điều ẩn mật trong tâm can. Thật bất ngờ chỉ trong khoảnh khắc anh đã nhìn thấy chính mình:

*Ngọn đèn công viên
Bao năm thâm lặng
Soi sáng chính mình.*

Khi nhận ra được chính mình, anh thật sung sướng, cảm thấy như vừa tỉnh cơn mơ. Đang lúc trời mưa anh muốn dùng loại nước trong lành của trời đất nấu ấm trà thưởng cho mình để nhớ về chính ta. Anh thấy mình đã đổi khác, dưới mắt anh cuộc sống nhìn từ chỗ nào cũng đẹp. Anh nhận ra rằng “Cuộc đời này là một chuyến đi qua biển” như R.Tagore nhà thơ, nhà tư tưởng lớn của Ấn Độ đã nói. Đời người thật ngắn ngủi như một chuyến đi qua biển, như quán trọ bên đường, sống chết như đôi bờ một

dòng sông. Đúng như anh suy nghĩ, danh vọng, tiền tài không phải là cái đích để con thuyền anh lướt đến vì chúng đều là những thứ phù vân.

Cuối cùng anh thấy nhẹ lòng đứng ngắm:

*Mảnh trăng trắng bạc
In giữa trời xanh
Buổi sáng trong lành,*

Hơn một trăm bài haiku Việt trong tập thơ này như hơn một trăm mảnh vỡ rơi rớt xung quanh cuộc sống của

Hoàng Long, có mảnh là ký ức, có mảnh là tâm hình anh chụp được trên đường đi, có mảnh là dòng nhật ký, có mảnh là bức tranh thủy mặc... Tôi thu thập lại dựng lên một tâm hình về Hoàng Long mà tôi yêu thích, còn lại xin các bạn đọc hãy tự mình lấp ghép những mảnh vỡ đó theo sở thích của mình.

Sài Gòn, mùa sen nở - 2014
Chủ nhiệm CLB Thơ Haiku Việt
Giáo sư **LƯU ĐỨC TRUNG**

ĐOÀN KHÚC

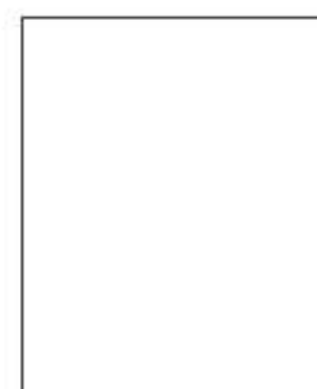
**THÍCH
PHƯỚC
NGUYỄN**

*Mây nước man man trời lồng gió
Thuyền trắng sao phù bóng chành chành
Tàu sương lẫn bánh theo tia khói
Thánh thót cung đàn quyện núi xanh
Ngẩng mặt nhìn sao muôn ánh rọi
Vào lòng hoang dã sắc long lanh
Nước mây mây nước trôi bang bạc
Bên chiếc thuyền thơ sóng ngọt lành
Trông cánh nhạn bay về cổ xứ
Vội vàng tay vội chép trường canh*



hoàđàm

9741 Bolsa Ave. Suite: 216. Westminster, CA 92683.
714.765.9844 hoadamnews@gmail.com



KÍNH GỎI: _____

